

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM



**TRUYỀN THỐNG
ĐẤU TRANH CÁCH MẠNG
VÀ XÂY DỰNG HUYỆN ĐẠ TỄ
(1945 - 2015)**

**BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN ĐẠ TỄ
NĂM 2016**

**TRUYỀN THỐNG
ĐẤU TRANH CÁCH MẠNG
VÀ XÂY DỰNG HUYỆN ĐẠ TỈNH
(1945-2015)**

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

**TRUYỀN THỐNG
ĐẤU TRANH CÁCH MẠNG
VÀ XÂY DỰNG HUYỆN ĐẠ TỄH
(1945-2015)**

**BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN ĐẠ TỄH
NĂM 2016**

Lời nói đầu

*Đạ Tẻh là một huyện phía Nam của tỉnh Lâm Đồng, một địa bàn chiến lược quan trọng nằm giữa Tây Nguyên và Đông Nam Bộ. Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, Đạ Tẻh là vùng căn cứ cách mạng, là hậu phương trực tiếp của tỉnh Lâm Đồng. Đồng bào các dân tộc thiểu số đã có nhiều thành tích xuất sắc trong việc thực hiện 5 phong trào thi đua, xây dựng và bảo vệ vùng căn cứ, bảo vệ an toàn đường hành lang Đông - Tây của tỉnh và khu VI. Ngày 10/02/1987 Hội đồng Nhà nước tặng thưởng **Huân chương Quân công** cho lực lượng vũ trang nhân dân huyện Đạ Tẻh. Ghi nhận những công lao của Đảng bộ và nhân dân các dân tộc huyện Đạ Tẻh, ngày 28/04/2000 Đảng và Nhà nước đã tuyên dương danh hiệu **Đơn vị Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân**.*

Trong 30 năm hình thành và phát triển, huyện Đạ Tẻh đã có nhiều thay đổi căn bản, đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân ngày càng được nâng cao, cơ sở hạ tầng và các công trình công cộng ngày càng được đầu xây dựng, nâng cấp.

Nhằm ôn lại những chặng đường đấu tranh cách mạng trong hai cuộc kháng chiến chống quân xâm lược và quá trình xây dựng, phát triển từ năm 1975 đến năm 2015; đồng thời góp phần nâng cao lòng tự hào và giáo dục truyền thống yêu quê hương cho các thế hệ ở địa phương, Ban Thường vụ Huyện uỷ đã có kế hoạch về việc nghiên cứu, biên soạn “Truyền thống đấu tranh cách mạng và xây dựng

huyện Đa Tả từ năm 1945 - 2015” trên cơ sở chỉnh lý, bổ sung những nội dung và các tư liệu mới, đóng góp ý kiến của cán bộ, nhân dân trong và ngoài huyện cho cuốn “Truyền thống đấu tranh cách mạng và xây dựng huyện Đa Tả 1945 - 2000” xuất bản năm 2002 và biên soạn bổ sung giai đoạn từ năm 2000 – 2015).

Quá trình lắng nghe, sưu tầm tài liệu, tư liệu, nghiên cứu và biên soạn đã được Ban Thường vụ Huyện ủy, Ban chỉ đạo công trình; các đồng chí lão thành cách mạng, cán bộ chiến sĩ đã từng hoạt động cách mạng, công tác tại địa phương, các cơ quan ban ngành cung cấp tài, tư liệu, đóng góp nhiều ý kiến quý báu và sự giúp đỡ, hợp tác với tinh thần trách nhiệm cao, có hiệu quả của Phòng Lịch sử Đảng Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Lâm Đồng. Tuy nhiên, do phần lớn các sự kiện lịch sử đã diễn ra cách đây khá lâu, nhiều nhân chứng không còn, các tài liệu bị hư hỏng, mất mát, nên cuốn sách không tránh khỏi những thiếu sót.

*Nhân kỷ niệm 30 năm huyện Đa Tả hình thành và phát triển, (1986-2016), được sự cho phép của Thường trực Tỉnh ủy Lâm Đồng, Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Lâm Đồng, cuốn sách **“Truyền thống đấu tranh cách mạng và xây dựng huyện Đa Tả 1945 – 2015”** được tái bản, phát hành. Kính mong các đồng chí lão thành cách mạng, cán bộ, chiến sĩ đồng bào các dân tộc trong huyện và bạn đọc góp ý, bổ sung, chỉnh lý tư liệu để lần tái bản sau được phong phú, đầy đủ và hoàn chỉnh hơn.*

Trân trọng!

BAN THƯỜNG VỤ HUYỆN ỦY

VỊ TRÍ ĐỊA LÝ, DÂN CƯ, KINH TẾ VÀ XÃ HỘI HUYỆN ĐẠ TỄ

Huyện Đạ Tẻh nằm ở phía Nam tỉnh Lâm Đồng, cách đường quốc lộ 20 từ ngã ba Mađaguôi vào khoảng 18km. Diện tích tự nhiên 523,4km²; phía Bắc giáp huyện Bảo Lâm và thành phố Bảo Lộc, phía Nam giáp huyện Tân Phú - tỉnh Đồng Nai, phía Đông giáp huyện Đạ Huoai, phía Tây giáp huyện Cát Tiên.

Nằm trên độ cao từ 100 - 300m so với mặt nước biển, Đạ Tẻh có nhiệt độ trung bình hàng năm 28⁰C, ít bị ảnh hưởng gió bão, mỗi năm chia làm hai mùa: mùa mưa từ tháng 4 đến tháng 10 và mùa khô từ tháng 11 đến tháng 3 năm sau. Nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa, lượng mưa khá lớn nhưng phân bố không đều. Huyện Đạ Tẻh luôn chịu ảnh hưởng hạn hán về mùa khô và lũ lụt về mùa mưa, đất đai thích hợp cho trồng cây lương thực, cây ăn trái, Đạ Tẻh có nhiều tiềm năng kinh tế có thể khai thác, các loại cây trồng có thể mạnh ở địa phương như lúa, mía, cây dâu, cây điều, có điều kiện thuận lợi để chuyển dịch cơ cấu cây trồng theo hướng sản xuất hàng hóa.

Địa bàn huyện Đạ Tẻh có sông Đạ Tẻh dài 30km, suối Đạ Nha dài 50km cả hai đều chảy ra sông Đồng Nai. Đạ Tẻh có 2 thác lớn là thác Đạ Bin ở xã Đạ Pal¹

¹ Nay gọi là thác Xuân Đài.

cao 150m và thác Triệu Hải² cao 70m. Rừng Đa Tẻ tiếp giáp một phần với vườn quốc gia Nam Cát Tiên, có nhiều loài thú quý hiếm, nhiều chủng loại gỗ, trong đó có các loại lâm sản như mây, tre, nứa dùng làm nguyên liệu cho ngành công nghiệp chế biến.

Địa hình huyện Đa Tẻ nằm dọc theo chân các dãy núi Con Ó LuMu ở phía Đông, núi Bờ Nôm Quan, Nao Lùng ở phía Tây... là vùng đất bằng phẳng nằm dọc theo hạ lưu các dòng chảy của suối Đa Tẻ, Đa Mí, Đa Kho, Đa Hàm, Đa Nha, Đình GiaRi v.v... các dòng chảy từ trên núi cao đổ xuống đã mang theo phù sa bồi tụ dọc tả ngạn sông Đồng Nai, do các bậc thềm dật cấp trong lập địa tự nhiên xuống đến thác Tà Lài đã ngăn giữ nước trong mùa nắng, lắng đọng phù sa trong mùa mưa, thường xuyên bồi tụ màu mỡ, làm cho vùng Đa Tẻ luôn có phù sa bổ sung, có ưu thế và đầy tiềm năng thủy lợi hóa phục vụ sản xuất.

Địa bàn huyện Đa Tẻ trước đây là vùng đất cư trú lâu đời của 20 buôn người Châu Mạ giàu truyền thống đoàn kết gắn bó chống chọi với sự khắc nghiệt của thiên nhiên, nêu cao tinh thần độc lập tự chủ đấu tranh với các thế lực ngoại xâm. Trước năm 1960, vùng đất Đa Tẻ thuộc tỉnh Đồng Nai Thượng là nơi địch không thể kiểm soát được, còn về phía cách mạng cũng chưa xây dựng được cơ sở phong trào ở đây.

² Còn gọi là thác Đakala, thuộc xã Triệu Hải.

Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, Đa Tẻ nằm trong vùng căn cứ địa cách mạng tỉnh Lâm Đồng, nằm giữa hành lang chiến lược các tỉnh Ninh Thuận, Bình Tuy, Lâm Đồng, Đồng Nai, Phước Long, Đắc Lắc.

Tháng 3 năm 1962, Tỉnh ủy và Ủy ban Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam tỉnh Lâm Đồng quyết định thành lập 3 xã Hợp Vông, Xi Nhanh, Lú Tôn³ (bao gồm 20 buôn của người Châu Mạ), sau đó đã phát động quần chúng thực hiện cải cách dân chủ, phát triển du kích chiến tranh, thành lập hệ thống Mặt trận và các đoàn thể quần chúng.

Ngày 19 tháng 8 năm 1962, Tỉnh ủy Lâm Đồng cũ quyết định thành lập đơn vị cấp trên để chỉ đạo ba xã (Hợp Vông, Xi Nhanh, Lú Tôn), gọi là Ban cán sự Vùng 3 (tương đương cấp huyện).

Nhằm mở rộng địa bàn hoạt động, đẩy mạnh 5 phong trào thi đua⁴ trong vùng đồng bào dân tộc và vùng căn cứ, tháng 6 năm 1969, Tỉnh ủy Lâm Đồng

³ Tên gọi xã Hợp Vông, đồng bào lấy theo tên ông K'Vông người dân tộc Mạ đã anh dũng chống giặc ngoại xâm.

- Tên gọi xã Xi Nhanh, lấy theo tên ông K'Nhen là người lãnh đạo phong trào đánh giặc ngoại xâm.

- Tên gọi xã Lú Tôn, theo tiếng người Châu Mạ có nghĩa là viên đá mài dao đánh giặc.

⁴ 5 phong trào thi đua gồm: phong trào tăng gia sản xuất, tiết kiệm; phong trào du kích chiến tranh; phong trào thoát ly đi bộ đội, vào cơ quan; phong trào đi dân công phục vụ phía trước, ủng hộ bộ đội; phong trào học tập văn hóa, vệ sinh phòng bệnh.

quyết định sáp nhập Vùng 3 vào K 4 (địa bàn huyện Đa Huoai hiện nay).

Sau ngày 30 tháng 4 năm 1975, K 4 và Vùng 3 được sáp nhập vào huyện Bảo Lộc, vùng đất Đa Tẻ hiện nay được gọi là xã Lộc Trung. Nông trường Hà Giang sau nhiều lần củng cố và sáp nhập với nông trường Hà Lâm được đổi tên thành nông trường Hà Lâm. Từ giữa năm 1976, thực hiện chủ trương điều động dân cư, xây dựng vùng kinh tế mới, xã Lộc Trung được quy hoạch là địa bàn đón dân xây dựng kinh tế mới của tỉnh Lâm Đồng. Lực lượng tiền trạm và thanh niên xung phong của các địa phương như Thường Tín, Ứng Hòa tỉnh Hà Sơn Bình, thành phố Huế tỉnh Thừa Thiên Huế đã đến xây dựng vùng kinh tế mới. Từ năm 1978 đến năm 1981, các địa phương như Triệu Hải (Quảng Trị), An Nhơn, Qui Nhơn, Hoài Nhơn... (Bình Định), Thạch Thất, Mỹ Đức, Quốc Oai, Phú Xuyên, Thường Tín (Hà Sơn Bình), Xuân Thủy, Hải Hậu, Thanh Liêm, Hoa Lư (Hà Nam Ninh), Hương Phú, thành phố Huế (Thừa Thiên Huế)... đã tổ chức đưa dân đến, góp phần xây dựng quê hương mới trên vùng chiến khu xưa của tỉnh Lâm Đồng. Đến những năm 1990 - 1995, một bộ phận cư dân các dân tộc ít người ở miền núi phía Bắc như Tày, Nùng... di dân tự do vào lập nghiệp tại các địa phương, đặc biệt là thị trấn Đa Tẻ và xã An Nhơn, góp phần không nhỏ trong xây dựng, phát triển kinh tế, văn hóa của huyện.

Do nhu cầu của sự phát triển kinh tế, xã hội, an ninh, quốc phòng của tỉnh, tháng 3 năm 1979 huyện Đạ Huoai (cũ) được thành lập, trong đó có 5 xã sau này được tách ra để lập huyện Đạ Tẻh ngày nay đó là các xã: Đạ Lây, An Nhơn, Hà Đông, Đạ Kho, Triệu Hải và thị trấn Đạ Tẻh.

Ngày 6 tháng 6 năm 1986, Hội đồng Bộ trưởng, nay là Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã ban hành Quyết định số 68 chia huyện Đạ Huoai (cũ) thành 3 huyện: Đạ Huoai, Đạ Tẻh, Cát Tiên. Huyện Đạ Tẻh chính thức được thành lập từ đó với tổng diện tích tự nhiên: 523,4 km² và 23.814 nhân khẩu. Sau đó tại Quyết định 67/HĐBT của Hội đồng Bộ trưởng đã chia 5 xã và thị trấn Đạ Tẻh thành 9 xã, 1 thị trấn như ngày nay gồm: thị trấn Đạ Tẻh, xã Đạ Kho, xã Triệu Hải, xã Quảng Trị, xã Mỹ Đức, xã Hà Đông, xã Quốc Oai, xã Đạ Lây, xã Hương Lâm và xã An Nhơn, với dân số gần 30.000 người. Ngày 31 tháng 12 năm 2000 Chính phủ có Nghị định số 112/2002/NĐ-CP thành lập xã Đạ Pal thuộc huyện Đạ Tẻh trên cơ sở chia tách diện tích tự nhiên và nhân khẩu của xã Triệu Hải.

Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, nhân dân Đạ Tẻh phải gánh chịu bao nhiêu bom đạn, chất độc hóa học mà giặc Mỹ đã rải xuống trong các trận càn quét thời kỳ 1963 - 1965, 1966 - 1967 và năm 1972; trong các chiến dịch bình định - tìm diệt, chiến thuật bủa lưới phóng lao, với chính sách đốt sạch, giết

sạch, trong chiến dịch 2 gọng kìm và chiến dịch bình định cấp tốc đợt II chuẩn bị xuống thang chiến tranh, trong thực hiện chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” của Mỹ, chúng quyết quét sạch lực lượng cách mạng một cách tàn bạo. Song, với ý chí kiên cường, chịu đựng gian khổ, hy sinh, quân và dân Vùng 3 đã thể hiện tinh thần cách mạng cao cả, bám trụ đến cùng vừa sản xuất vừa chiến đấu hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ của một vùng căn cứ.

Đạ Tẻh là một trong những địa bàn đứng chân vững chắc của tỉnh Lâm Đồng trong suốt 13 năm chiến đấu (1962 - 1975). Tháng 3 năm 1963, khi cơ quan Tỉnh ủy, cơ quan quân sự tỉnh chuyển từ địa bàn Cát Tiên về đóng ở Vùng 3, đầu ngọn suối Đạ Mí, trên địa bàn Tổ Lan, Đình Gia Ri, làm rẫy sản xuất ở Đình Sạch, làm chỗ dựa để tự túc lương thực. Đến cuối năm 1964, cơ quan Tỉnh ủy và cơ quan quân sự tỉnh chuyển ra đóng ở dãy núi Bờ Đạ, Bờ Nôm Quan, phía Đông sông Đạ Tẻh (gần trảng Hồng Lĩnh) giữa 2 dòng suối Đạ Mí và sông Đạ Tẻh để chỉ đạo chiến dịch Đông Xuân 1964 - 1965, đánh phá khu tập trung dân của địch ở Tân Gia Rang, Tân Lú, Tân Rai... Trong thời gian đó, nhân dân Vùng 3 là lực lượng trực tiếp cung cấp hậu cần cho các chiến dịch, phục vụ tấn công địch phía trước, đồng thời là hậu phương bảo đảm cho lực lượng lui về tổ chức học tập, huấn luyện, nghỉ dưỡng sức, củng cố tổ chức sau các trận chiến đấu; là hậu cứ cứu chữa thương binh, bệnh binh.

Huyện Đa Tễ cũng là địa bàn đầu mối bảo đảm hành lang giao thông liên lạc cả đường bộ và đường thủy của tỉnh, của Khu xuống đến các K⁵, về Trung ương Cục miền Nam (R); là nơi phục vụ và bảo đảm an toàn đường dây vận tải H50 từ biên giới Campuchia chuyển vũ khí đạn dược, quân trang, quân dụng về đây bảo vệ, cất dấu, là trạm trung chuyển của Khu 6 từ đây phân phối cho các tỉnh, các đơn vị vũ trang trực thuộc.

Vừa chiến đấu, vừa sản xuất, Đa Tễ là địa phương có quy mô sản xuất tự túc lớn nhất trên địa bàn Khu 6 trong kháng chiến chống Mỹ, tiêu biểu là “Công doanh 19/8”, nơi đầu tiên sử dụng cơ giới khai hoang làm đất, sản xuất có năng suất, hiệu quả cao trên một diện tích gần 500 ha đất, trong đó có 150 ha trồng lúa nước 2 vụ. Trong những năm tháng đó tuy bị địch thường xuyên đánh phá ác liệt, nhiều lần chúng dùng máy bay ném bom, hủy diệt đồng ruộng... nhưng lực lượng sản xuất đã phối hợp với dân quân, du kích ngày đêm bám ruộng rẫy vừa sản xuất, vừa chiến đấu đánh trả máy bay Mỹ, từ đó đã hạn chế được nhiều thiệt hại do địch gây ra. Trong hai vụ Đông - Xuân 1973, 1974, đơn vị sản xuất Công doanh 19/8 đã thu hoạch hàng trăm tấn lúa phục vụ chiến dịch giải phóng Bảo Lộc, giải phóng Lâm Đồng.

⁵ . K là đơn vị hành chính tương đương cấp huyện trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ - ngụy

Phát huy truyền thống cách mạng trong kháng chiến, sau ngày huyện Đa Tả được thành lập, tuy là nơi hội tụ đồng bào của nhiều địa phương trong cả nước về đây xây dựng kinh tế mới. Phong tục tập quán, sinh hoạt có khác nhau nhưng các tầng lớp nhân dân trong huyện đã nêu cao truyền thống đoàn kết gắn bó để cùng nhau xây dựng quê hương mới.

Sau 30 năm hình thành và phát triển huyện Đa Tả đã đạt được những thành tựu quan trọng: Đến năm 2015, thu nhập bình quân đầu người đạt 28,01 triệu đồng; Tổng sản lượng quy thóc đạt 48.951 tấn; giá trị sản phẩm thu hoạch trên đơn vị diện tích đạt 60,71 triệu đồng /ha; tỷ trọng các ngành trong cơ cấu kinh tế: Nông lâm nghiệp 49,71%, dịch vụ 41,21%, công nghiệp - xây dựng 9,08%; đạt 57,8% độ che phủ rừng; tổng đầu tư toàn xã hội 2.122,7 tỷ đồng. Tỷ lệ hộ nông dân nông thôn sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh 85%; hộ sử dụng điện 99%; hộ nghèo còn 5%; tỷ lệ lao động trong độ tuổi lao động đang làm việc trong các ngành kinh tế là 95,76% trong đó lao động đã qua đào tạo nghề đạt 32%. Cuối năm 2015, huyện đã có 3 xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới.

Về văn hoá xã hội: Đến năm 2015, toàn huyện có 38 trường học (2 trường tư thục) (100% xã, thị trấn có trường mầm non, trung tâm giáo dục cộng đồng), 1 trung tâm dạy nghề, 1 trung tâm bồi dưỡng chính trị.

Tổng số học sinh: 11.136, bình quân 4,5 người có một người đi học, trên 5 ngàn cán bộ cơ sở được huấn luyện bồi dưỡng hàng năm. Tỷ lệ huy động trẻ vào lớp 1 luôn đạt 100%. Chất lượng giáo dục luôn đạt và vượt mặt bằng chung của tỉnh. 100% giáo viên đạt chuẩn, trong đó tỷ lệ giáo viên trên chuẩn khá cao (PTTH 4,1%. Tiểu học 88,7%). Duy trì tốt phổ cập trung học cơ sở, triển khai bước đầu phổ cập phổ thông trung học. Thực hiện có hiệu quả giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi. Có 34,21 % trường đạt chuẩn quốc gia.

Hoạt động văn hoá có những kết quả khá, các chỉ tiêu về phát triển văn hoá đều đạt và vượt, các phong trào về văn hoá thể dục, thể thao được mở rộng, đời sống tinh thần được nâng lên rõ rệt, thiết chế văn hoá ở cơ sở được quan tâm đầu tư, 100% thôn, tổ dân phố có quy ước, hộ đạt gia đình văn hoá 90%; 6/10 xã có nhà văn hoá, đài truyền thanh, truyền hình huyện, trạm truyền thanh các xã hoạt động có hiệu quả, mạng di động, Internet đã được kết nối, phủ sóng đến các xã, vùng sâu, vùng đồng dân tộc thiểu số. 100% các xã có điểm thông tin khoa học công nghệ.

Hạ tầng y tế, trang thiết bị khám chữa bệnh được tăng cường đầu tư, trình độ y, bác sĩ được đào tạo, nâng cao bảo đảm yêu cầu chăm sóc sức khoẻ cho nhân dân tại cơ sở. Có 7/11 xã đạt chuẩn quốc gia về

y tế. Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên ổn định mức 1,1%; tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng còn 10%; bảo hiểm y tế toàn dân 72,2%.

Người Mạ là cộng đồng dân tộc thiểu số cư trú lâu đời nhất ở Đạ Tẻh, trước đây có tập quán du canh, du cư với phương thức sản xuất lạc hậu như chọc lỗ, tra hạt hoặc đuổi trâu gặm nát cỏ trong bùn, (hình thức trâu quần ruộng) lại thêm tập quán không dùng phân bón nhưng muốn lúa được mùa thì lại tổ chức cúng lúa. Một mùa lúa được người Mạ cúng đến 12 lần, đây là chưa kể đến lễ cầu mưa, lễ cúng thần lửa. Nếu được mùa thì lại ủ bao nhiêu rượu để cúng mừng nên được mùa cũng đói, mất mùa cũng đói. Bên cạnh đó còn có những hủ tục lạc hậu như phụ nữ đẻ một mình ngoài bờ sông, giết người đồng tộc vì nghi kỵ nhau ma lai... Kể từ sau ngày giải phóng, với công cuộc định canh định cư, cùng với công tác tuyên truyền vận động, giáo dục và thuyết phục đã dẫn đến sự chuyển biến tích cực trong nhận thức của người Mạ ở Đạ Tẻh. Đã chấm dứt việc nghi kỵ nhau là ma lai, giảm hẳn việc giết người và mua bán người, thế hệ thanh niên hiện nay không còn tin vào bùa ngải, hầu hết biết nói tiếng Kinh. Hiện nay trẻ em người Mạ phần lớn đã phổ cập cấp 1.

Vì vậy đời sống vật chất, tinh thần của bà con ở các vùng dân tộc thiểu số có nhiều chuyển biến tiến bộ. người Mạ đã tiếp nhận kỹ thuật trồng và chăm sóc

cây công nghiệp. Về lương thực đã có thể cân đối đủ ăn quanh năm và bước đầu có tích lũy, biết tận dụng quỹ thời gian làm các công việc thủ công, biết ăn ở sạch sẽ và có những nhu cầu về văn hóa tinh thần.

Trong công cuộc xây dựng quê hương, cùng cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội. huyện Đạ Tẻh tuy còn nhiều khó khăn thử thách, đặc biệt là sự đe dọa của thiên tai lũ lụt thường xảy ra. Song với sự quan tâm chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, chính quyền, đoàn thể, cùng với sự cố gắng nỗ lực vươn lên của đồng bào các dân tộc trong huyện, đến nay Đạ Tẻh đã thực sự có nhiều đổi thay trên tất cả các lĩnh vực, kinh tế phát triển đúng hướng, an ninh quốc phòng ngày một củng cố, tình hình chính trị văn hóa xã hội ổn định, tạo tiền đề cho cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn.

CHƯƠNG I

VÙNG ĐẤT ĐẠ TÊH TRONG CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP XÂM LƯỢC (1945 – 1954)

I. ĐẠ TÊH TRƯỚC, TRONG CÁCH MẠNG THÁNG 8 NĂM 1945

Để chuẩn bị cho công cuộc khai thác thuộc địa, ngay từ những năm đầu của thế kỷ XX, gót giày xâm lược của đội quân viễn chinh Pháp đã đặt lên Tây Nguyên. Trước tiên, Pháp tổ chức các đoàn thám sát len lỏi để nắm địa bàn và tiến hành mở mang đường giao thông, tiếp tục tổ chức lại bộ máy hành chính. Đi đôi với việc xây dựng bộ máy cai trị là chế độ phu phen thuế khóa. Về chính trị, Pháp đã áp dụng chính sách chia rẽ Kinh - Thượng với chiêu bài “đất Thượng của người Thượng”, đồng thời dùng chính sách “ngu dân dễ trị”, bằng mọi cách duy trì tập tục lạc hậu trong vùng đồng bào dân tộc. Đồng thời chúng đã dày công nghiên cứu phong tục tập quán của dân tộc ít người trong vùng để dễ bề cai trị và kiểm soát.

Theo chương trình thiết lập trung tâm hành chính của người Pháp, năm 1889 một phái đoàn người Pháp do Ernest Toudou (En Tau Trây) chỉ huy mở cuộc tìm kiếm và chinh phục vùng Đồng Nai Thượng đặt trụ sở tại DjiRing. Năm 1904, Pháp nhập Sở tham biện Đồng Nai Thượng vào tỉnh Bình Thuận và tiếp

tục khảo sát phía Tây Nam Đồng Nai Thượng. Từ năm 1906, Pháp bắt đầu đặt bộ máy cai trị từ tỉnh xuống cơ sở. Năm 1920, khi đổi tên thành tỉnh Đồng Nai Thượng thì bộ máy cai trị đã hoàn chỉnh ở những nơi chúng kiểm soát được.

Năm 1922, để phục vụ âm mưu xâm lược, khai thác, vận chuyển tài nguyên, đề án thiết lập đường sắt Sài Gòn - Phú Yên - Đồng Nai Thượng được Pháp lên kế hoạch, nhưng do tình hình không thuận lợi nên đề án bị bãi bỏ.

Đề thay đề án đường sắt, người Pháp khởi công xây dựng đường 20 từ Sài Gòn đi Đà Lạt. Từ tháng 11 năm 1926 đến 31 tháng 5 năm 1932, đường 20 cơ bản được đưa vào sử dụng. Trong quá trình thi công, thực dân Pháp bắt hàng trăm culi là người Kinh, người dân tộc làm xâu cho chúng mỗi ngày. Đồng thời với chính sách hà khắc của thực dân Pháp, đời sống của người dân trong vùng lâm vào cảnh bần hàn, mùa màng, nương rẫy không có người làm, đời sống nhân dân đói kém triền miên.

Trong những năm 1930, toàn quyền Đông Dương ra nghị định về đất đai nhằm tư hữu hóa ruộng đất vào tay những nhà tư sản. Lợi dụng chính sách này và đặc điểm kinh tế - xã hội cổ truyền, chế độ sở hữu đất đai tự nhiên và uy tín tuyệt đối của “tầng lớp trên” trong đồng bào thiểu số và bằng thủ đoạn mua

chuộc, dụ dỗ bằng quà cáp... các nhà tư sản Pháp tước đoạt đất đai, nương rẫy từ tay đồng bào thiểu số lập nên những đồn điền chè, cà phê rộng lớn.

Trong quá trình chiếm đoạt đất đai, thành lập đồn điền của tư bản người Pháp đã có nhiều người dân tộc bị bắt phu, yếu tố này đã làm biến đổi lớn về lực lượng lao động trong đồng bào dân tộc thiểu số. Riêng ở Đạ Tẻh lúc bấy giờ do còn là “vùng trắng” người dân tộc thiểu số sinh sống ở đây vẫn được bảo vệ nguyên vẹn, đời sống xã hội không có sự biến đổi như những nơi khác.

Từ khi thực dân Pháp mở rộng và thiết lập bộ máy cai trị vào vùng dân tộc từ đầu thế kỷ XX đã vấp phải sự phản ứng và đấu tranh mạnh mẽ. Biểu hiện đầu tiên đó là không hợp tác, không liên kết, không đi phu cho Pháp.

Từ khi Pháp chiếm Đồng Nai Thượng, tuy chưa xác lập quyền thống trị ở vùng Đạ Tẻh, nhưng thông qua những tên tay sai với các biện pháp dụ dỗ, lừa gạt, một số lớn thanh niên dân tộc thiểu số bị bắt đi phu cho Pháp. Nhưng vì căm ghét thực dân, phong trào chống đi phu, đi lính cho Pháp diễn ra thường xuyên ở các buôn làng thuộc vùng Đạ Tẻh, họ kiên quyết không phục vụ cho Pháp.

Xuất phát từ ý thức dân tộc, từ tình yêu núi rừng, buôn làng mà trên mảnh đất cao nguyên hẻo lánh đã

diễn ra các phong trào yêu nước của người thiểu số như: Ama Trang Long, phong trào Mộ Cộ ở Sor DJiRinh⁶... Những phong trào ấy chứng tỏ người thiểu số đã có sẵn tinh thần chống ngoại xâm, nêu cao tinh thần đoàn kết dân tộc, giống nòi, tương trợ nhau trong khó khăn hoạn nạn. Hiểu sâu sắc nỗi nhục mất nước, mất tự do, bị khinh miệt, quyết tâm chống thực dân Pháp.

Những năm 1940 đến 1950, Pháp tiến hành xây dựng lực lượng Gum⁷ ở một số nơi của Tây Nguyên. Quá trình kiểm soát và xây dựng lực lượng Gum, chúng ra sức tuyên truyền: “Người Thượng du giữ đất người Thượng du, người Kinh đến chiếm đất người Thượng du, người Pháp giúp người Thượng du giữ nước”. Ở vùng Đạ Tẻh, Pháp đã nhiều lần cho tay sai đến mua chuộc các già làng, o ép, lôi kéo, cho muối, cho vải hoặc chúng xúi dân làng này đánh dân làng khác, gây chia rẽ hiềm khích giữa các làng với nhau. Mặc dù ra sức thực hiện những âm mưu nham hiểm nhưng thực dân Pháp vẫn không kiểm soát được vùng Đạ Tẻh và không xây dựng được lực lượng Gum ở vùng này. Tuy gọi là “vùng trắng” địch không kiểm soát và đặt ách thống trị được, nhưng đồng bào các dân tộc vùng Đạ Tẻh đã nêu cao tinh thần độc lập tự chủ, kiên quyết bảo vệ cuộc sống tự do của mình, góp

⁶ Mộ Cộ: tên thật là K’Nhòi người làng Dong Dor DJiRinh, tự xưng là “Thánh” khởi xướng phong trào (vùng Di Linh ngày nay).

⁷ Lực lượng vũ trang do Pháp xây dựng ở các buôn làng dân tộc thiểu số.

phần cùng với nhân dân cả nước làm thất bại âm mưu chia rẽ và thống trị của thực dân Pháp.

Tháng 8 năm 1945, dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân cả nước đã nhất tề đứng lên giành chính quyền từ tay phát xít Nhật, Pháp.

Ngày 29 tháng 8 năm 1945, Ủy ban cách mạng lâm thời tỉnh Đồng Nai Thượng được thành lập do đồng chí Nguyễn Đại Hòa làm Chủ tịch. Nhiệm vụ cấp bách được đặt ra là bảo vệ chính quyền, bảo vệ thành quả cách mạng. Khẩn trương giải tán các đội lính bảo an, mật thám do Nhật, Pháp thành lập, tước vũ khí của chúng để trang bị cho lực lượng ta. Thành lập lực lượng công an nhân dân, tuyển công nhân cơ khí thành lập công binh xưởng chế tạo vũ khí phục vụ cho cuộc kháng chiến lâu dài.

Các đoàn thể, công, nông, thanh, phụ, các đội tự vệ cũng được thành lập để bảo vệ chính quyền, bảo vệ nhà máy, công sở, tham gia hưởng ứng cuộc phát động tuần lễ vàng phục vụ kháng chiến do Tổng bộ Việt Minh phát động.

II. CÙNG CỐ XÂY DỰNG THỰC LỰC CÁCH MẠNG THAM GIA KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP (1945-1954)

Cách mạng tháng 8 năm 1945 thành công, khai sinh nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa là đòi hỏi của cả một dân tộc. Nhưng với âm mưu xâm lược nước ta, ngày 23 tháng 9 năm 1945, Pháp - Nhật thỏa thuận

với nhau và được quân Anh giúp sức, thực dân Pháp nổ súng đánh chiếm Sài Gòn.

Ở Đồng Nai Thượng, địch nuôi hi vọng chiếm lại nên cố thủ một số nơi, gây rắc rối cho chính quyền cách mạng.

Tháng 9 năm 1945, quân Nhật đưa ra các yêu sách đòi ta giải tán các lực lượng vũ trang. Trước tình hình trên, tỉnh Đồng Nai Thượng lập các phòng tuyến tại D'Ran, cây số 42 ở Di Linh và đèo B'Lao. Ngày 18 tháng 10, Ủy ban quân chính Nam Trung Bộ tăng cường thêm hai trung đội, một từ Ninh Thuận lên và một trung đội từ Nam Bộ ra bố trí phòng tuyến tại đèo B'Lao. Ta đã huy động lực lượng tự vệ gồm cả người Kinh và người Thượng góp sức xây dựng các phòng tuyến và làm nhiều chướng ngại vật trên đường 20.

Ngày 9 tháng 11 năm 1945, quân Nhật ở Sài Gòn theo quốc lộ 20 lên đánh chiếm Đồng Nai Thượng. Chúng đưa một lực lượng tiền trạm trước lên đèo B'Lao thăm dò lực lượng ta, các chốt cảnh giới từ xa của ta vừa chặn đánh, vừa nghi binh, trưa ngày 10 tháng 11 năm 1945, quân Nhật rút lui về địa phận Đa Huoai để bố trí lại lực lượng, tăng hỏa lực mạnh hơn.

Chiều ngày 11 tháng 11 năm 1945, quân Nhật sử dụng đoàn xe quân sự 40 chiếc chở 300 lính Nhật và khí tài chiến tranh, có xe bọc thép yểm trợ tiến lên đèo, chúng nã pháo và các loại súng liên thanh vào các chốt bố phòng của ta. Khi đoàn xe Nhật lọt vào

trận địa bố trí sẵn, toàn lực lượng được lệnh nổ súng đồng loạt gây thương vong cho một số lính Nhật, các dây chần gỗ trên sườn núi được chặt đứt, gỗ từ trên cao lăn xuống làm bị thương một số lính Nhật, ta đốt cháy 1 xe quân sự. Xe bọc thép địch bắn trả dữ dội cứu nguy, nhưng quân Nhật vẫn bị ta cầm chân tại trận địa. Trận đánh này quân ta cũng có sự tổn thất, đồng chí Mười Mè trong khi chỉ huy cận chiến với địch bị trúng đạn hy sinh, một số chiến sĩ bị thương được chuyển về phía sau. Cuộc chiến đấu kéo dài đến sẩm tối, địch tổ chức một mũi bọc sườn đánh vào sau lưng đội hình ta. Do không lường trước được tình huống này, để bảo toàn lực lượng, ta ra lệnh rút lui, bọn Nhật cũng không dám tiến lên đèo mà tìm nơi trú quân chờ sáng.

Ngày 12 tháng 11 năm 1945, quân Nhật tiếp tục mở đường, lực lượng ta tổ chức đánh chặn đã diệt và làm bị thương một số lính Nhật rồi rút lui. Địch dò dẫm từng đoạn tiến qua đèo.

Trận đánh Nhật ở đèo B'Lao thực tế không cân sức. Tuy nhiên do ta biết lợi dụng địa thế, tổ chức lực lượng đánh địch và hậu cần tốt, đặc biệt là tinh thần đoàn kết Kinh - Thượng, dũng cảm chiến đấu cầm chân địch 4 ngày liền, làm chậm bước tiến quân của chúng. Nhân dân Đồng Nai Thượng mãi mãi ghi nhớ trận đánh đầu tiên chống thực dân, phát xít xâm lược.

Cuối tháng 12 năm 1945, quân Nhật chiếm hầu hết các thị xã, thị trấn của tỉnh Đồng Nai Thượng, chúng tăng cường lùng sục, bắt bớ, thủ tiêu cán bộ và những người mà chúng cho là có liên quan đến lực lượng cách mạng nhằm răn đe sự chống đối của quần chúng nhân dân. Đồng thời, chúng điều tra và sử dụng lại những tên tay sai làm việc cho Pháp trước đây bố trí làm chánh tổng, phó lý, tăng cường bộ máy kiểm kẹp. Về quân sự, chúng lập các chốt canh gác, chốt kiểm soát dọc quốc lộ 20, tình hình Đồng Nai Thượng trở nên căng thẳng. Tuy vậy, nhân dân các dân tộc không khuất phục, vẫn hướng niềm tin vào thắng lợi, các lực lượng cách mạng vẫn được nhân dân che chở bao bọc, tiếp tục hoạt động ngay trong vùng địch tạm chiếm.

Do yêu cầu củng cố lực lượng để kháng chiến lâu dài, Ủy ban kháng chiến hành chính tỉnh Đồng Nai Thượng đã tổ chức cho dân sơ tán về Bình Thuận, đời sống đồng bào và hoạt động của các cơ quan hết sức khó khăn, phần lớn đồng bào bị ốm đau, thiếu thuốc trị bệnh. Một số cán bộ, chiến sĩ, đồng bào dao động tư tưởng bỏ đi nơi khác, một số trở về B' Lao, Di Linh làm ăn.

Được sự giúp đỡ của Ủy ban kháng chiến hành chính tỉnh Bình Thuận, Ủy ban kháng chiến tỉnh Đồng Nai Thượng từng bước được củng cố trở lại và xây dựng hậu cứ ở chiến khu Lê Hồng Phong, Ô rô, mở

rộng lên Hàm Trí thuộc huyện Tánh Linh giáp Đồng Nai Thượng, tạo điều kiện đưa lực lượng về hoạt động trên địa bàn tỉnh nhà.

Ủy ban hành chính kháng chiến tỉnh đề ra ba chủ trương:

- Kiện toàn tổ chức cơ quan các cấp từ tỉnh xuống cơ sở, ổn định các khu tản cư của nhân dân.

- Đẩy mạnh sản xuất tự túc, nêu cao khẩu hiệu “tự lực cánh sinh”, đảm bảo đời sống cán bộ, chiến sĩ và nhân dân.

- Tăng cường công tác chính trị, tư tưởng.

Ngoài ra còn chú trọng công tác học bổ túc văn hóa, thành lập phòng bình dân học vụ.

Ủy ban kháng chiến đã bố trí một số cán bộ về Di Linh và B’Lao liên lạc với cơ sở cũ tiếp tục hoạt động, tổ chức đường dây liên lạc theo đường hợp pháp để chuyển hàng tiêu dùng, thuốc trị bệnh, tin tức địch về khu tản cư an toàn.

Sau hai năm củng cố, xây dựng, khu tản cư trở thành căn cứ kháng chiến lâu dài. Tháng 1 năm 1948, cơ quan hành chính chuyển về Đồng Nai Thượng để trực tiếp lãnh đạo phong trào. Các đơn vị vũ trang được thành lập đưa lên hoạt động phía trước. Nhiệm vụ của các đội vũ trang là tuyên truyền, xây dựng cơ sở, vận động đồng bào chống đi sâu, chống nộp thuế,

không đi lính và làm tay sai cho thực dân Pháp. Các đội vũ trang tuyên truyền đã làm nòng cốt cho các phong trào quần chúng vùng dân tộc đấu tranh.

Ngày 24 tháng 4 năm 1949, Ban cán sự Đảng tỉnh Đồng Nai Thượng được thành lập. Đây là sự kiện quan trọng, lần đầu tiên Đồng Nai Thượng có tổ chức Đảng trực tiếp lãnh đạo phong trào.

Ngày 1 tháng 10 năm 1949, Ủy ban hành chính tỉnh ra tờ “Thông tin Đồng Nai Thượng”, vừa tuyên truyền cho cuộc kháng chiến cứu nước, vừa vạch trần âm mưu gian ác của thực dân và việt gian, nêu kinh nghiệm công tác vận động, thuyết phục quần chúng trong các cơ quan và nhân dân.

Để đối phó với phong trào cách mạng ở Đồng Nai Thượng đang phát triển, địch tăng cường xây dựng 9 đồn, 4 bót gác dọc quốc lộ 20 cùng với lực lượng quân sự cấp đại đội, tiểu đoàn. Thường xuyên tổ chức các cuộc càn quét, đánh phá kinh tế, kho tàng vùng căn cứ cách mạng, truy lùng bắt xâu, bắt lính thành lập các tổ chức bù nhìn, cấp huyện có Tri huyện, Chánh tổng, Phó tổng. Cấp cơ sở có chức Lý trưởng, ban hội tề và các tổ chức mật thám, phòng nhì, mật vụ, bảo an và tề điệp việt gian kìm kẹp nhân dân.

Để tiêu hao sinh lực địch, củng cố niềm tin trong nhân dân, Ủy ban kháng chiến chỉ đạo lập phương án

tác chiến cụ thể cho lực lượng vũ trang, luyện tập chuẩn bị đánh Sở Lutxe nơi dự trữ quân cụ, lương thực của địch. 5 giờ sáng ngày 25 tháng 10 năm 1949, quân ta đồng loạt nổ súng, địch rối loạn hàng ngũ chạy không kịp mang theo vũ khí. Khoảng 11 giờ ngày 25 tháng 10 năm 1949, lực lượng địch ở B'Lao đến ứng cứu bị lực lượng của ta chặn đánh, diệt thêm một số tên sau đó rút lui an toàn.

Chiến thắng Sở Lutxe của lực lượng cách mạng đã làm cho địch hoang mang, nhân dân Đồng Nai Thượng vui mừng, tin tưởng vào thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.

Ngày 10 tháng 12 năm 1949, Thường vụ Liên khu ủy V họp xem xét đánh giá tình hình cho các tỉnh Cực Nam. Hội nghị quyết định tăng cường cán bộ, vật chất cho Nam Trung Bộ để tổ chức dân quân, tiến tới thành lập bộ đội địa phương cấp trung đội, đại đội có đủ khả năng hoạt động độc lập.

Bước vào năm 1950, tình hình cả nước có những chuyển biến quan trọng. Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược phát triển mạnh, đều khắp từ miền núi, trung du đến đồng bằng. Chiến thắng chiến dịch Biên giới đã làm thay đổi cục diện chiến tranh giữa ta và địch, củng cố thêm niềm tin trong nhân dân.

Hòa cùng khí thế chung của cả nước, ở chiến trường Nam Tây Nguyên, Hội nghị Đảng bộ Đồng

Nai Thượng họp từ ngày 1 đến ngày 4 tháng 2 năm 1950, đề ra công tác trọng tâm trước mắt “phát triển, củng cố Đảng trong quần chúng, chú trọng người thiểu số. Củng cố và gây cơ sở chính quyền nhân dân rộng rãi, tích cực vận động thành lập các đoàn thể cứu quốc... phát triển phong trào chiến tranh nhân dân...”⁸.

Tháng 3 năm 1950, Ban cán sự Đảng tỉnh Đồng Nai Thượng thành lập đội vũ trang tuyên truyền, do đồng chí Nguyễn Tấn Phước phụ trách đi theo đường núi Ông lên vùng Bà Gia, Đạ Xị, Đinh Gia Ri, Tân Gia Rang, B Đung, Đạ Mri, Đăng Ra Mít vào Đạ Tẻh để tiến vào vùng Bù Khiêu, Bù Go. Đội phải lần mò cắt rừng mà đi, vừa hành quân vừa xây dựng cơ sở cách mạng. Hết gạo anh em trong đội phải kiếm rau củ rừng để sống. Cứ như thế qua gần ba tháng (đi từ tháng 4 năm 1950) đội mới tới đích và xây dựng cơ sở từ Đạ Tẻh vào vùng Bù Khiêu, Bù Go, vượt sông Đồng Nai gặp khoa quốc dân thiểu số của khu 7 tại Đồng Xoài. Trên đường hành quân, đội đã cảm hóa và hướng dẫn người Mạ, S’Tiêng tích cực tham gia cách mạng. Những cơ sở ban đầu tuy còn nhỏ bé, nhưng chính đó là tiền đề cho vùng đất Đạ Tẻh trở thành căn cứ vững chắc, hậu phương trực tiếp của cách mạng tỉnh Lâm Đồng trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

⁸ Lịch sử Đảng bộ huyện Bảo Lộc, sdd, tr. 130.

Sau khi hoàn thành nhiệm vụ, tháng 7 năm 1950 đội vũ trang tuyên truyền của đồng chí Phước rút về báo cáo tình hình, đến khu vực Đạ Huoai thì bị địch phục kích, một số đồng chí hy sinh và bị bắt.

Ngày 03 tháng 7 năm 1950, địch đưa các đồng chí bị bắt về giam tại nhà lao Đà Lạt. Riêng đồng chí Phước, sau 10 ngày đã bắt được liên lạc với tổ chức của ta trong nhà lao, đồng chí viết thư báo cáo tình hình, danh sách các đồng chí cán bộ, chiến sĩ bị địch bắt gửi ra Ủy ban Kháng chiến hành chính thị xã Đà Lạt.

Đầu tháng 12 năm 1950, nhận được Chỉ thị của đồng chí Lê Tự Nhiên, Bí thư Ban cán sự tỉnh Lâm Viên giao cho kế hoạch chuẩn bị vượt ngục. Thực hiện chỉ thị của cấp trên, đồng chí Phước giả vờ bị bệnh nghỉ việc trong một tuần, tìm cách lẻn vào kho dụng cụ ăn cấp toàn bộ cùng số 8, còng xích ném xuống hầm phân của nhà lao.

Sáng ngày 27 tháng 12 năm 1950, lính gác dẫn đồng chí Phước và một tù thường phạm đi khám bệnh (ở phòng khám đa khoa Đà Lạt), chúng tìm còng mãi không được nên phải dùng dây điện thoại để trói, khi đến dốc đường Hải Thượng - Đà Lạt, nhận được ám hiệu, đồng chí Phước cởi được dây trói, giật súng từ tay tên lính gác và kéo xuống lề đường trói tên lính lại rồi theo chiến sĩ liên lạc dẫn đường chạy ra chiến khu

300 của ủy ban kháng chiến hành chính thị xã Đà Lạt; sau khi thoát khỏi nhà lao của địch, đồng chí Phước được giao nhiệm vụ ở lại Đà Lạt thực hiện nhiệm vụ xây dựng lực lượng vũ trang cho thị xã.

Trên chiến trường tỉnh Đồng Nai Thượng, cuộc kháng chiến của nhân dân ta vẫn tiếp tục phát triển. Đội vũ trang tuyên truyền tuy bị tổn thất nhiều, nhưng thường xuyên được bổ sung và tìm mọi cách xây dựng cơ sở trong vùng dân tộc thiểu số.

Đề đối phó với lực lượng cách mạng đang ngày càng phát triển, bọn địch tăng cường thành lập tổ chức phòng vệ. Tung thám báo, cài cắm gián điệp, sử dụng bọn ác ôn tay sai nắm tình hình và phát hiện cơ sở cách mạng. Trong buôn làng đồng bào thiểu số, chúng đẩy mạnh xây dựng lực lượng Gum, mua chuộc già làng và tầng lớp trên làm tay sai chống phá cách mạng. Ngoài ra, chúng còn lập những tổ chức quần chúng giả hiệu như Hội phụ nữ, Hội thanh niên cứu quốc... nhằm lừa bịp đồng bào.

Để làm thất bại âm mưu của địch, sau khi Liên khu ủy V cử đoàn cán bộ vào kiểm tra, khảo sát tình hình chung của các tỉnh Cực Nam đã nhận định: “.... Lâm Viên, Đồng Nai Thượng có vị trí chiến lược quan trọng, là chiến trường chính của Cực Nam nhưng là chiến trường gây cơ sở”. Để thống nhất sự lãnh đạo, giữa tháng 10 năm 1950, Liên khu ủy V

quyết định nhập hai tỉnh Lâm Viên và Đồng Nai Thượng thành tỉnh Lâm Đồng, Ban cán sự tỉnh được thành lập do đồng chí Nguyễn Xuân làm Bí thư cùng 12 ủy viên.

Quá trình vận động cách mạng, tuyên truyền thuyết phục, xây dựng cơ sở của các đội vũ trang tuyên truyền ở vùng đất Đạ Tẻh trong những năm thực dân Pháp xâm lược nước ta là những năm tháng đầy gian khổ, hy sinh. Tiếp xúc được với đồng bào đã khó, nhưng giáo dục, thuyết phục họ trở thành cơ sở phục vụ cách mạng càng khó hơn. Với lòng kiên trì và ý chí của người cộng sản, các đội công tác đã từng bước khơi dậy truyền thống bất khuất, tinh thần độc lập tự chủ, lòng căm thù giặc ngoại xâm của mọi tầng lớp nhân dân, hướng cho họ đi theo con đường cách mạng.

CHƯƠNG II

QUÂN VÀ DÂN ĐẠ TẺH TRONG CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ CỨU NƯỚC (1954 – 1975)

I. PHÁT TRIỂN, CÙNG CỐ LỰC LƯỢNG VÀ HÌNH THÀNH CÁC TỔ CHỨC LÃNH ĐẠO CÁCH MẠNG (1954 – 1962)

Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của nhân dân ta kết thúc thắng lợi bằng chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ, buộc thực dân Pháp phải ký Hiệp định Giơnevơ kết thúc chiến tranh, lập lại hòa bình ở Đông Dương và công nhận độc lập dân tộc, chủ quyền của Việt Nam vào ngày 20 tháng 7 năm 1954. Theo tinh thần Hiệp định, hai bên ngừng bắn, tạm thời lấy vĩ tuyến 17 làm ranh giới phân chia hai miền Nam - Bắc, sau hai năm sẽ thực hiện cuộc tổng tuyển cử tự do để thống nhất nước nhà.

Hiệp định Giơnevơ được ký kết đánh dấu bước ngoặt quan trọng trong lịch sử cách mạng Việt Nam. Từ đây miền Bắc hoàn toàn được giải phóng, bước vào công cuộc lao động, xây dựng chủ nghĩa xã hội, miền Nam tiếp tục đấu tranh để hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ, tiến tới tổng tuyển cử thống nhất đất nước.

Song, với bản chất hiếu chiến và phản động, đế quốc Mỹ và tay sai Ngô Đình Diệm đã ngang nhiên

phá hoại Hiệp định, âm mưu xâm chiếm và chia cắt lâu dài nước ta, biến miền Nam thành thuộc địa kiểu mới của Mỹ. Chúng ra sức khủng bố, trả thù những người đã từng tham gia kháng chiến, đàn áp phong trào cách mạng, đánh phá ác liệt các cơ sở Đảng. Tháng 3 năm 1956, chúng tổ chức bầu cử riêng rẽ đưa Ngô Đình Diệm lên làm Tổng thống. Hiệp định Giơnevơ bị địch phá hoại, hiệp thương hai miền Nam – Bắc không được thực hiện. Nhân dân ta phải tiếp tục đấu tranh cách mạng để giải phóng miền Nam, tiến tới thống nhất nước nhà.

Sau khi lên nắm chính quyền, Diệm bắt đầu công khai thực hiện chiến dịch “tố cộng, diệt cộng”. Chúng gấp rút xây dựng và củng cố bộ máy chính quyền tay sai các cấp từ trung ương tới tận cơ sở với cái gọi là “thanh lọc nội bộ”. Những người kháng chiến cũ, những gia đình có người thân tập kết thường xuyên bị chúng theo dõi rình rập, hù dọa, khủng bố. Chúng tổ chức các gia đình thành liên gia, mỗi liên gia gồm năm gia đình gọi là “ngũ gia liên bảo” để kiểm soát lẫn nhau. Chúng tiến hành kê khai nhân khẩu, lập thẻ căn cước, phân loại đối tượng, mục đích tìm diệt cơ sở cách mạng.

Ở vùng địch chiếm cũ, chúng thay thế số thân Pháp bằng số thân Mỹ và số tay chân theo chúng từ miền Bắc vào. Chúng còn hình thành những khu tập trung công giáo di cư xung quanh các vị trí xung yếu như B’Lao, Di Linh. Qua đó chúng tạo thêm thế và

lực để chống phá phong trào cách mạng, khống chế, đàn áp nhân dân.

Mặc dù vậy, ở các vùng rừng núi thuộc các tỉnh miền Tây Ninh Thuận, Bình Thuận, Nam Tây Nguyên, tranh thủ lúc địch chưa đủ sức với tới, nên ta đã kịp thời thâm nhập nhân dân tuyên truyền phát động, xây dựng và phát triển mở rộng cơ sở.

Vùng Đạ Tẻh trong những năm đầu của cuộc kháng chiến chống Mỹ, là địa bàn cư trú của 20 buôn người Mạ⁹, có đường hành lang chiến lược Bắc – Nam đi qua căn cứ Lộc Bắc với căn cứ 200 của ta, gần với phòng tuyến tự nhiên là sông Đồng Nai - giáp biên chiến khu Đ. Mặc dù từ những năm 1960 về trước, ở vùng này chưa có cơ sở Đảng và các đoàn thể quần chúng hoạt động, nhưng từ năm 1959 đây là địa bàn hậu cứ quan trọng của C 200¹⁰.

Tuy không phải là địa bàn diễn ra các cuộc đấu tranh ác liệt đòi thi hành Hiệp định Giơnevơ, nhưng đồng bào của 20 buôn dân tộc Mạ cùng mừng vui vì cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp chín năm giành được thắng lợi; đồng thời cũng mang tâm trạng lo âu vì nhân dân miền Nam còn sống dưới sự

⁹ Gồm: Đình Sặt, Tổ Lan 1, Tổ Lan 2, Bà Rá, Tam Pó, Đạ Nga, Con Ó, Hăng Ca Đăng, Bà Đạ, Tân Lon, Con Ho, Rá Xa, Đạ Pin, Tân Lập, Tân Rang, Đa Mít, Đa Lay, Đạc La.

¹⁰ C 200 là đội vũ trang tuyên truyền của miền Đông Nam Bộ, do xứ ủy Nam Bộ thành lập tháng 6 năm 1959 tại chiến khu Đ.

kiểm soát của địch, phải tiếp tục đấu tranh thống nhất nước nhà.

Trước những âm mưu, thủ đoạn can thiệp thô bạo của đế quốc Mỹ vào miền Nam, tháng 7 năm 1954, Ban Chấp hành Trung ương họp Hội nghị lần thứ VI khẳng định: “đế quốc Mỹ là kẻ thù chính của nhân dân yêu chuộng hòa bình trên thế giới và hiện đang trở thành kẻ thù trực tiếp của nhân dân Đông Dương”¹¹. Tiếp đó, tháng 9 năm 1954, Bộ Chính trị nêu rõ nhiệm vụ: “giữ vững và đẩy mạnh cuộc đấu tranh của nhân dân miền Nam nhằm củng cố hòa bình, thực hiện thống nhất, hoàn thành độc lập dân tộc và dân chủ trong toàn quốc”¹².

Để hỗ trợ phong trào quần chúng đòi Mỹ - Diệm thực hiện Hiệp định, tháng 5 năm 1956, Bộ Chính trị họp ra Nghị quyết nêu rõ: hình thức đấu tranh của ta trong toàn quốc hiện nay là đấu tranh chính trị, như thế không có nghĩa tuyệt đối không dùng vũ lực để tự vệ. Nghị quyết còn nhấn mạnh: củng cố lực lượng vũ trang, nửa vũ trang, xây dựng căn cứ làm chỗ dựa, đồng thời xây dựng cơ sở quần chúng vững mạnh là điều kiện căn bản để duy trì, phát triển lực lượng vũ trang.

¹¹ Văn kiện Đảng về chống Mỹ cứu nước, tập 1 (1954 – 1965), Nxb Sự Thật, Hà Nội 1984.

¹² Văn kiện Đảng về chống Mỹ cứu nước, tập 1 (1954 – 1965), Nxb Sự Thật, Hà Nội 1984.

Năm 1958, chỉ thị của Trung ương Đảng một lần nữa khẳng định vị trí quan trọng có ý nghĩa chiến lược của Tây Nguyên: Tây Nguyên là vị trí quan trọng chẳng những đối với miền Nam nước ta mà còn đối với cả Đông Dương, một địa bàn có ý nghĩa quyết định trong cuộc đấu tranh giữa ta và địch..., là nơi có điều kiện tốt để xây dựng căn cứ cách mạng, làm chỗ dựa cho phong trào cách mạng Việt Nam. Do đó, gìn giữ và phát triển lực lượng cách mạng, xây dựng Tây Nguyên thành căn cứ cách mạng của ta ở miền Nam, phá tan âm mưu xây dựng căn cứ của Mỹ - Diệm là nhiệm vụ trước mắt của Tây Nguyên.

Thực hiện chủ trương của Trung ương Đảng, cùng với phong trào các nơi khác trong tỉnh, ở Bắc sông Đồng Nai, ta đã tranh thủ phát triển cơ sở, mở rộng phong trào; hoạt động của lực lượng C200 ngày càng mở rộng, mà trực tiếp là B14¹³ móc nối với các buôn Mạ ở vùng Đạ Tẻh. Nhiều cơ sở là người dân tộc Mạ ở đây đã được giác ngộ cách mạng, hiểu rõ hơn về âm mưu chia rẽ của địch.

Ngày 13 tháng 1 năm 1959, Ban Chấp hành Trung ương Đảng mở Hội nghị lần thứ 15 (khóa II). Hội nghị ra Nghị quyết về đường lối cách mạng Việt Nam ở miền Nam đã chỉ rõ một trong những bức xúc của cách mạng miền Nam là: nhanh chóng khai thông hành lang chiến lược Bắc - Nam để giải quyết

¹³ B14 (thuộc C200) làm nhiệm vụ cửa khẩu đường 20 do đồng chí Đỗ Giáp Xuân làm B trưởng.

vấn đề chi viện của hậu phương lớn miền Bắc cho chiến trường miền Nam, đồng thời phải thực hiện hai nhiệm vụ:

- Vận động quần chúng tham gia đóng góp sức người, sức của cho kháng chiến, tạo điều kiện đưa các đoàn cán bộ và lực lượng miền Bắc vào Nam, lập Trung ương Cục miền Nam và xây dựng chủ lực Miền.

- Chuẩn bị các điều kiện tiến lên xây dựng căn cứ khu và Ban cán sự Đảng các cấp.

Vấn đề xây dựng, mở rộng căn cứ địa và hành lang chiến lược trở thành một nhiệm vụ vô cùng quan trọng, để đảm bảo cho việc phát triển lực lượng, tạo bàn đạp tiến công, giữ vững con đường chi viện từ Bắc vào Nam.

Tháng 3 năm 1959, thực hiện Nghị quyết 15 (khóa II) của Trung ương Đảng, Bộ Quốc phòng tổ chức đoàn cán bộ công tác B90 (Đoàn B90 thành lập ngày 25 tháng 5 năm 1959) do đồng chí Trần Quang Sang (tức Ba Thọ) làm trưởng đoàn, đồng chí Phùng Quang Âm (tức Ba Cung) làm đoàn phó cùng với 22 đồng chí khác. Đoàn được chia làm 2 đội, đội thứ nhất đi về phía Tây Bắc Đà Lạt; đội thứ hai gồm các đồng chí Phạm Văn Nhường (tức Năm Nhường), đồng chí Hoàng Minh Đỏ (tức Ba Đen), đồng chí Phạm Văn Lạc (tức Tư Lạc) do đồng chí Nhường phụ trách xoi vào bắt liên lạc với mũi Nam Bộ ra gồm 18 chiến sĩ

do đồng chí Phạm Hồng Sơn, Nguyễn Trọng Tâm phụ trách. 16 giờ chiều ngày 30 tháng 10 năm 1960, hai đội gặp nhau tại ngã ba suối Đạrtích ở phía hữu ngạn sông Đồng Nai. Cuộc gặp vừa vui mừng vừa xúc động vì nhiệm vụ Đảng giao đã hoàn thành, lệnh thông đường hành lang Bắc - Nam được thực hiện. Quá trình đó, cán bộ, chiến sĩ đã vượt qua muôn vàn khó khăn thử thách, góp phần thúc đẩy sự phát triển của phong trào cách mạng miền Nam và sự hợp đồng chiến đấu giữa các chiến trường.

Nhằm tạo thêm điều kiện cho phong trào đấu tranh cách mạng ở Nam Tây Nguyên, phong trào tự trị ở miền núi phát triển. Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam ở Cục Nam Trung Bộ và Nam Tây Nguyên ra đời đã tập hợp và động viên mọi tầng lớp nhân dân vùng lên đấu tranh chống đế quốc Mỹ và tay sai.

Cùng với nhân dân các dân tộc Tây Nguyên ở các tỉnh Gia Lai, Đắc Lắc, tại buôn Bù Đăng - Lộc Bắc diễn ra Đại hội Mặt trận dân tộc giải phóng tỉnh Lâm Đồng. Đại hội đã đề ra mục tiêu đấu tranh cho các tầng lớp nhân dân là:

- Đấu tranh bảo vệ quyền tự do độc lập, làm chủ đất nước, làm chủ núi rừng, xây dựng cuộc sống ấm no, hạnh phúc.

- Các tầng lớp nhân dân phải đoàn kết một lòng, tạo thành sức mạnh để đánh bại các âm mưu của kẻ

thù muốn chia cắt lâu dài nước ta.

- Nhanh chóng thành lập tổ chức Mặt trận gồm những người ưu tú được quần chúng tín nhiệm để lãnh đạo phong trào.

Đại hội ra lời kêu gọi các tầng lớp nhân dân tự nguyện tham gia cách mạng, toàn dân kháng chiến chống Mỹ - ngụy. Tất cả dân tộc Kinh, Mạ, K'Ho và các dân tộc khác hãy đoàn kết lại đấu tranh giành độc lập tự do; kêu gọi binh lính, sĩ quan ngụy quân, ngụy quyền quay súng tiêu diệt bọn ác ôn trở về với cách mạng. Kêu gọi tất cả bà con dân tộc không bỏ núi rừng, không bỏ buôn làng, mồ mả tổ tiên của cha ông, thực hiện khẩu hiệu “một tác không đi, một ly không rời”.

Từ năm 1960, cách mạng miền Nam bước sang giai đoạn mới và yêu cầu củng cố tổ chức Đảng, lãnh đạo thống nhất trong phạm vi mỗi tỉnh đã trở thành vấn đề cấp thiết.

Ngày 31 tháng 8 năm 1961, tại đầu nguồn sông La Ngà thuộc Lộc Lâm (Bảo Lâm) Trung ương Cục miền Nam đã quyết định thành lập Ban cán sự B7 (tiền thân của Tỉnh ủy Lâm Đồng)¹⁴ và có kế hoạch thống nhất các đội công tác trên địa bàn Lâm Đồng, hình thành bộ máy để lãnh đạo phong trào quần chúng

¹⁴ Ban cán sự B7, do đồng chí Trần Quang Sang làm Bí thư, đồng chí Nguyễn Xuân Du (Tám Cảnh) ủy viên, đồng chí Ma Nhao (tức Lê Đạo) ủy viên.

đấu tranh chống Mỹ - Diệm, xây dựng bảo vệ hành lang, đồng thời xây dựng kế hoạch chuẩn bị thành lập Tỉnh ủy Lâm Đồng.

Cuối tháng 12 năm 1961, Trung ương Cục miền Nam quyết định hợp nhất đơn vị C200 và B7 thành Tỉnh ủy Lâm Đồng do đồng chí Phạm Thuận (tức Chín Cán) làm Bí thư, quyết định lấy địa bàn Cát Tiên (C200) làm chỗ đứng chân chỉ đạo cho toàn tỉnh. Đồng thời, Tỉnh ủy đề ra chủ trương thành lập các tổ chức cơ sở Đảng ở những nơi có điều kiện, đẩy mạnh nhiệm vụ xây dựng căn cứ, tích cực tăng gia sản xuất nhằm giải quyết đời sống và đóng góp nghĩa vụ cho cách mạng.

Hoảng sợ trước sự phát triển của phong trào cách mạng, từ giữa năm 1961, đế quốc Mỹ bị động chuyển sang chiến lược “chiến tranh đặc biệt”. Kế hoạch Stalây Tay-lơ ra đời mà xương sống kế hoạch là “quốc sách áp chiến lược”. Đế quốc Mỹ nuôi ảo tưởng “Bình định miền Nam trong vòng 18 tháng”. Để thực hiện kế hoạch, địch đã sử dụng hàng loạt biện pháp dồn dân lập ấp chiến lược, tăng cường bắt lính, kết hợp chi viện hỏa lực mạnh. Bên cạnh đó chúng gấp rút củng cố lại mạng lưới tình báo, gián điệp, mật vụ với ý đồ nhanh chóng cắt đứt nguồn chi viện từ miền Bắc vào miền Nam, đẩy cách mạng miền Nam vào thế cô lập.

Tháng 1 năm 1961, Bộ Chính trị họp hội nghị đề cụ thể hóa Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ III. Về

phương hướng nhiệm vụ trước mắt của cách mạng miền Nam, Bộ Chính trị đề ra nhiệm vụ: “Đẩy mạnh hơn nữa đấu tranh chính trị, đồng thời đẩy mạnh đấu tranh vũ trang lên song song với đấu tranh chính trị, tấn công địch cả hai mặt chính trị và quân sự”¹⁵ và “ra sức xây dựng lực lượng ta cả về hai mặt chính trị và quân sự, tập hợp đông đảo lực lượng cách mạng trong Mặt trận giải phóng, phát động một phong trào đấu tranh mạnh mẽ của quần chúng, tích cực tiêu diệt sinh lực địch, bảo tồn và phát triển lực lượng ta”¹⁶.

Từ tháng 4 đến tháng 9 năm 1961, du kích Vùng 3 liên tục chặn đánh những đợt càn của địch, tiêu hao nhiều sinh lực địch khi chúng hành quân qua Vùng 3 để tiến vào địa phận Cát Tiên.

Ở Lâm Đồng, những vùng ta làm chủ khí thế cách mạng của nhân dân lên cao. Để kịp thời lãnh đạo phong trào, đầu tháng 2 năm 1962, Tỉnh ủy Lâm Đồng họp tại Bù Khiêu (Phước Cát 2) đề ra chủ trương thành lập các tổ chức Đảng để trực tiếp chỉ đạo từng địa bàn trong tỉnh. Thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy, cùng với một số địa phương khác, tháng 3 năm 1962, các xã Hợp Vòng, Xi Nhanh, Lú Tôn (là vùng đất Đa Tẻ ngày nay) được thành lập.

Tháng 4 năm 1962, một trung đội lính ngụy đột kích vào khu căn cứ, nổ súng tấn công tổ công tác của

¹⁵ Nghị quyết Bộ Chính trị tháng 1 năm 1961.

¹⁶ Nghị quyết Bộ Chính trị tháng 1 năm 1961.

ta đi vận chuyển gạo từ Dạ Huoai vào do đồng chí Đoàn Chim Phượng và đồng chí Lập phụ trách. Dưới sự chỉ đạo của Ban cán sự Vùng 3 và lực lượng đội công tác, du kích của ta đã đánh trả quyết liệt, buộc địch phải rút lui. Tại trận đánh đầu tiên này, đồng chí Đoàn Chim Phượng bị thương, một số du kích của ta bị địch bắt. Đây là trận đánh đầu tiên của du kích Vùng 3. Do chưa có kinh nghiệm nên quân ta bị tổn thương đáng kể.

Để ngăn chặn kịp thời âm mưu đánh phá cơ sở, dồn dân lập ấp của địch, Tỉnh ủy Lâm Đồng mở Hội nghị đánh giá tình hình chung về phong trào cách mạng ở địa phương, xác định các mặt còn non yếu của ta ở những nơi mới xây dựng căn cứ, từ đó đề ra nhiệm vụ cụ thể. Đối với Vùng 3, tỉnh chỉ đạo: tiếp tục xây dựng cơ sở, bảo đảm an toàn vùng căn cứ, tổ chức vũ trang hỗ trợ phong trào quần chúng đấu tranh chống địch dồn dân vào ấp chiến lược.

Thực hiện chỉ đạo của cấp trên, nhằm củng cố tinh thần của nhân dân, đội công tác của tỉnh cùng với Ban cán sự Vùng 3 đã tăng cường xây dựng lực lượng, củng cố địa bàn, cơ sở cách mạng, chủ động việc đánh địch càn quét. Với phương châm vừa chiến đấu vừa xây dựng, lực lượng vũ trang ở Vùng 3 ngày một vững mạnh, kết hợp xây dựng cơ sở với tiếp nhận thanh niên thoát ly bổ sung lực lượng.

Để trực tiếp lãnh đạo phong trào cách mạng ở ba xã mới, ngày 19 tháng 8 năm 1962, tỉnh quyết định thành lập đơn vị cấp trên chỉ đạo ba xã và được đặt tên là Vùng 3 (tương đương cấp huyện). Vùng 3 là khu căn cứ kháng chiến chống Mỹ, là vùng căn cứ phía Bắc sông Đồng Nai. Nhằm xây dựng và phát triển lực lượng cách mạng trong đồng bào dân tộc, năm 1962, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lâm Đồng quyết định thành lập đội công tác do đồng chí Nguyễn Ngọc Hải làm trưởng đoàn cùng 18 cán bộ, chiến sĩ đến Vùng 3 làm công tác vận động quần chúng, phát triển cơ sở chính trị, tổ chức lực lượng du kích chiến tranh, Mặt trận đoàn thể và tổ chức ban tự quản ở từng buôn xã.

Tháng 11 năm 1962, trung đội du kích người dân tộc được thành lập ở Vùng 3, do đồng chí K'Mui làm trung đội trưởng, đồng chí K'Đạ làm chính trị viên đóng quân tại Buôn Xa và Đặc La. Phong trào từ đây phát triển mạnh mẽ, đã tổ chức đánh địch tập kích, vừa tiêu hao sinh lực địch vừa lấy vũ khí tự trang bị cho mình.

Sau một thời gian phát động phong trào quần chúng, đến cuối năm 1962 đã hình thành các Ban cán sự ở ba xã Lú Tôn, Xi Nhanh, Hợp Vông, phát triển được 15 đảng viên, hình thành hệ thống Mặt trận đoàn thể ở từng xã, trên cơ sở đó đã tách ra thành lập mỗi xã một chi bộ lâm thời. Đồng thời Ban cán sự Đảng Vùng 3 được thành lập do đồng chí K'Đạ làm Bí thư,

đồng chí K'Mui làm Bí thư Ban cán sự thanh niên giải phóng kiêm chính trị viên vùng Đội, đồng chí K'Nhú làm Chủ tịch Mặt trận dân tộc giải phóng của vùng, phụ trách công tác dân vận.

II. XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN PHONG TRÀO DU KÍCH, ĐẨY LÙI ÂM MƯU CÀN QUÉT CỦA ĐỊCH (1963 – 1972)

Sự lớn mạnh của phong trào cách mạng ở tỉnh Lâm Đồng làm cho vùng kiểm soát của địch bị thu hẹp. Thế ba vùng chiến lược của ta ngày càng phát huy tác dụng buộc địch càng bị động đối phó. Nhằm ngăn chặn sự phát triển của phong trào, Mỹ - Diệm tăng cường âm mưu đánh phá vào căn cứ của ta, mà đặc biệt là địa bàn rừng núi đang có chiều hướng phát triển phong trào cách mạng. Chúng thường sử dụng các đơn vị vũ trang kết hợp với bọn biệt kích, tề điệp phản động đánh phá vùng giải phóng của ta, ráo riết dồn dân lập ấp chiến lược, cài cắm tay sai chỉ điểm nhằm chia rẽ, lôi kéo quần chúng, đánh phá cách mạng.

Lực lượng địch từ các đồn ở Madagui, Tân Lú, trại biệt kích Tân Rai - Bảo Lộc thường xuyên tổ chức những trận tập kích vào khu căn cứ của ta. Sau nhiều đợt tập kích, càn quét, địch đã tìm mọi cách để dồn dân ở 3 xã Vùng 3 vào các ấp chiến lược. Do quá trình phát động phong trào quần chúng, xây dựng lực lượng nòng cốt đoàn thể Vùng 3 mới hình thành, chưa vững

chắc, Ủy ban tự quản ở các buôn làng chưa có kinh nghiệm tổ chức lực lượng chiến đấu cho nên việc chống càn ban đầu gặp phải những khó khăn, nhưng với ý thức cách mạng đã được nhen nhúm từ lâu, đồng bào các dân tộc Vùng 3 kiên quyết không để địch chia rẽ, lôi kéo.

Tháng 3 năm 1963, cơ quan Tỉnh ủy và Tỉnh đội Lâm Đồng chuyển từ địa bàn Cát Tiên (C200) về đóng ở Vùng 3 tại đầu suối Đa Mí thuộc Buôn Tó Lan, làm nhiệm vụ sản xuất lương thực, đồng thời đẩy mạnh hoạt động vũ trang dọc đường 20.

Tháng 11 năm 1963, địch huy động lực lượng gồm một tiểu đoàn, thuộc Sư đoàn 23 của ngụy, dưới sự yểm trợ của máy bay đã hành quân vào Vùng 3 để phá hoại hoa màu và gom dân vào khu tập trung. Dưới sự chỉ huy của đồng chí K'Đạ và đồng chí K'Mui, 2 trung đội du kích của vùng phối hợp với lực lượng khác trong căn cứ liên tục đánh địch suốt 5 ngày đêm. Kết quả ta diệt nhiều tên địch, thu vũ khí, bẻ gãy cuộc hành quân càn quét, đập tan âm mưu dồn dân vào khu tập trung của địch.

Đây là trận chống càn đầu tiên của lực lượng dân quân du kích và đồng bào ba xã Vùng 3 giành được thắng lợi, giữ được dân, bảo vệ được tài sản và hoa màu của nhân dân. Thắng lợi này đã cổ vũ tinh thần quyết tâm chiến đấu bảo vệ căn cứ cách mạng, củng cố lòng tin của nhân dân ở vùng căn cứ.

Từ cuối năm 1963 trở đi, mật độ đánh phá của địch thưa dần. Quân ta một mặt sẵn sàng chống càn, giữ dân trong các khu căn cứ, mặt khác chủ động xây dựng lực lượng về mọi mặt, chuẩn bị cho cuộc chiến đấu lâu dài, chủ yếu là tập trung tăng gia sản xuất cung cấp lương thực cho kháng chiến.

Do không thực hiện được những mục tiêu trong chiến lược “chiến tranh đặc biệt” và một bộ phận lớn sinh lực địch bị tiêu hao, tiêu diệt, để có thể giành lại thế chủ động trên chiến trường miền Nam, đế quốc Mỹ trực tiếp đưa hơn 60 vạn lính Mỹ và chư hầu vào chiến trường miền Nam để thực hiện chiến lược “chiến tranh cục bộ”. Chúng mở hàng loạt cuộc hành quân “tìm diệt” và “bình định”, mở những cuộc hành quân càn quét dài ngày, dùng máy bay ném bom, phá hoại lúa, hoa màu, bao vây chia cắt căn cứ kháng chiến hòng làm cho ta thoái chí, kiệt quệ.

Tháng 6 năm 1964, Hội nghị Tỉnh ủy ra Nghị quyết phát triển kinh tế hậu phương nuôi quân đánh giặc, đảm bảo đời sống cho hơn 10.000 dân vùng căn cứ, đẩy mạnh sản xuất và góp phần phục vụ kháng chiến lâu dài.

Thắng lợi liên tiếp về chính trị, vũ trang của nhân dân miền Nam đã tạo nên chuyển biến trên địa bàn Khu 6, Nam Tây Nguyên, chiến tranh nhân dân có bước phát triển tốt. Tỉnh Lâm Đồng giải phóng phần lớn vùng nông thôn, hệ thống ấp chiến lược chỉ còn ở

Di Linh, xung quanh B'Lo và một số địa bàn dọc quốc lộ 20, nhưng bị cô lập, chia cắt từng đoạn.

Ở Vùng 3, do ảnh hưởng trực tiếp của chất độc hóa học, cây cối bị chết trắng nhiều nơi, đời sống của nhân dân trong vùng hết sức khó khăn, cảnh đói khát do không thu hoạch được lúa, mỳ vì bị nhiễm độc. Để tiếp tục sản xuất, nhân dân trong vùng phải đi nhặt lúa rơi làm giống, chặt đốn phần thân cây mỳ bị nhiễm độc cho nảy mầm lại. Những cán bộ chiến sĩ khi qua lại Vùng 3 đã trở thành thói quen tự giác thấy mỳ cứ nhỏ ăn rồi chặt thân mỳ từng khúc cắm lại để liên tục có lương thực dự trữ. Tất cả bằng mọi cách nhằm ổn định đời sống, tiếp tục tham gia kháng chiến.

Tháng 3 năm 1966, Trung ương Cục miền Nam mở hội nghị lần thứ 4 để chỉ đạo cuộc kháng chiến. Hội nghị nhấn mạnh: Phải củng cố và mở rộng vùng căn cứ, làm chủ núi rừng, hết sức chú trọng sản xuất, tiết kiệm, bồi dưỡng sức dân xây dựng căn cứ địa, từng bước hoàn chỉnh những vùng chiến lược, thực hiện chủ trương toàn Đảng, toàn dân tích cực chuẩn bị cho sản xuất và chiến đấu.

Dưới sự chỉ đạo của Ban cán sự Đảng Vùng 3, nhiều phong trào thi đua yêu nước được đề ra. Các tổ chức đoàn thể cũng được củng cố, các tổ đoàn kết lao động, vận động công được hình thành, với quyết tâm rất cao “giặc phá rừng cây, ta xây lòng người”. Công tác dân vận trong vùng đồng bào dân tộc phát triển mạnh,

công tác giáo dục, y tế được chú trọng, nhân dân 3 xã Hợp Vòng, Xi Nhanh, Lú Tôn bắt tay vào chiến dịch “vừa sản xuất, vừa chiến đấu”.

Qua phong trào quần chúng, nhiều thanh niên nam nữ Vùng 3 được giác ngộ, đã tình nguyện thoát ly tham gia vào lực lượng vũ trang. Công tác xây dựng cơ sở, xây dựng thực lực tại chỗ đi vào chiều sâu và thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ bảo vệ căn cứ.

Cuộc phản công lần thứ nhất trong chiến lược “chiến tranh cục bộ” bị thất bại nặng nề, Mỹ tiếp tục tăng cường quân cơ động, bổ sung phương tiện, chuẩn bị bước vào chiến dịch mùa khô 1966 – 1967, nhằm thực hiện kế hoạch tiến công bằng 2 gọng kìm “tìm diệt” và “bình định” cấp tốc đợt II. Cùng với việc tổ chức đánh phá vào căn cứ kháng chiến Trung ương Cục miền Nam (Tây Ninh, Bình Long, Phước Long), địch đã đánh vào căn cứ ở Lâm Đồng.

Vào thời điểm đó, lực lượng địch ở Lâm Đồng gồm 10 đại đội bảo an, 25 trung đội dân vệ cùng thanh niên chiến đấu trong hệ thống ấp chiến lược, quân Mỹ đã tăng cường lữ dù 173 từ miền Đông Nam Bộ đánh lên Lâm Đồng. Điều thêm Tiểu đoàn 23 biệt động quân, một tiểu đoàn cộng hòa, 2 chi đội bọc thép, 20 đoàn bình định nông thôn, một đại đội pháo 105 chốt thành 2 cụm ở trảng Phê Đê và đồi Đinh Gia Ri cùng với 3 chiếc trực thăng ngày đêm quần bám lòng vực

phát hiện mọi dấu vết, khói lửa mà chúng nghi vấn đề chỉ dẫn bộ binh và pháo bắn phá; phối hợp đánh vào căn cứ Bắc Lâm Đồng nhằm âm mưu gom dân lập ấp chiến lược. Với lực lượng trên, vào lúc 4 giờ sáng ngày 2 tháng 2 năm 1967, địch đã dùng 70 lượt máy bay trực thăng đổ quân đánh thuê Pắc Chung Hy vào căn cứ Bắc đường 20 trong đó có 3 xã Vùng 3 Lú Tôn, Xi Nhanh, Hợp Vông nhằm phá hoại mùa màng, lừa bắt dân vào ấp chiến lược, quyết tâm phá tan căn cứ Bắc Lâm Đồng, phá hậu phương, hậu cần khu 6, phá đường hành lang Nam - Bắc, Đông - Tây hòng làm cho lực lượng vũ trang bị cô lập, phá thế trận liên hoàn giữa hậu phương tại chỗ với phía trước, làm cho nhân dân vùng căn cứ thiếu đói, không thu hoạch được mùa màng, buộc phải ra đầu hàng giặc, phải vào khu tập trung, ấp chiến lược.

Đó là một âm mưu thâm độc, nham hiểm của Mỹ - ngụy, chúng dùng máy bay và pháo binh bắn phá liên tục, thả chất độc xuống các nương rẫy trồng lúa, mỳ, tất cả các khe suối; rải dày đặc bom bi, bom cày, mìn rếp trên các ngã đường, hốc núi; cho bộ binh chiếm lĩnh, đóng chốt các điểm cao nhằm khống chế hoàn toàn thung lũng Đạ Tẻh với một diện tích hơn 200 km².

Nắm chắc lực lượng và ý đồ của địch, Thường vụ Tỉnh ủy Lâm Đồng nêu cao quyết tâm đánh bại âm mưu của địch bằng các chủ trương cụ thể là:

- Dù trong hoàn cảnh nào cũng phải giữ cho được tính mạng, tài sản nhân dân căn cứ, không để dân bị địch gom xúc, bảo vệ nương rẫy để có lương thực chống đói và cung cấp cho phía trước.

- Bằng kinh nghiệm của chiến tranh du kích, với tất cả các loại vũ khí, phương tiện chiến tranh sẵn có, nêu cao quyết tâm tiêu hao sinh lực địch, làm chủ núi rừng, bảo vệ an toàn khu căn cứ, bảo vệ cơ quan, kho tàng, tài liệu, bảo vệ hành lang giao thông liên lạc, phục vụ cho lực lượng vũ trang chiến đấu phía trước.

- Chỉ đạo, cổ vũ, động viên lực lượng vũ trang phía trước dũng cảm, mưu trí tổ chức tấn công địch chia lửa cho dân căn cứ, đánh mạnh, đánh sâu vào nơi đóng quân của địch, phá banh hệ thống ấp chiến lược, làm chủ giao thông buộc địch phải rút quân càng sớm càng tốt.

Thực hiện chủ trương trên, lực lượng tại chỗ làm nhiệm vụ chống càn chủ yếu là nhân dân được tổ chức theo từng buôn, từng tổ đoàn kết sản xuất cùng với 300 dân quân tự vệ mà nòng cốt là 9 trung đội du kích tập trung của 3 xã. Thường vụ Tỉnh ủy quyết định tăng cường trung đội trinh sát của lực lượng cảnh vệ cơ quan Tỉnh ủy gồm 15 đồng chí xuống bám dân, bám địa bàn cùng du kích xã chống càn, tổ chức thông tin hai chiều phục vụ chỉ đạo đánh địch.

Các cơ quan Tỉnh ủy, Tỉnh đội, Mặt trận và các đoàn thể phân công một nửa xuống bám cơ sở

cùng hệ thống chính trị phát động, hướng dẫn quần chúng chống càn, cất dấu tài sản, di chuyển kho tàng, chuẩn bị căn cứ dự bị, bố trí hầm chông, mang cung, cạm bẫy... Đội cảnh vệ cơ quan cùng với du kích xã lập phương án chiến đấu, phân chia địa bàn đánh địch; tổ chức tiếp cận các cụm đóng quân của địch, thành lập các tổ bắn tỉa, gài mìn buộc địch phải vào ản nấp trong các công sự dã chiến tạo điều kiện cho dân bám nương rẫy, thu hoạch lúa và hoa màu vào thời điểm từ 22 giờ đến 3 giờ sáng, đây là thời điểm địch sơ hở nhất.

Với phương án tác chiến như vậy, suốt trong ba tháng liên tục, với 2 ngàn dân của ba xã đã quần bám địch, từng bước giành thắng lợi, bảo vệ dân không một ai bị địch lừa, bảo vệ an toàn cơ quan, kho tàng.

Trong chiến đấu, quân và dân Vùng 3 đã tiêu diệt 12 tên địch, làm bị thương 23 tên khác, bắn rơi tại chỗ 2 máy bay trực thăng, trong đó có 1 chiếc do đồng chí K'Mui bắn hạ.

Cuộc chiến chống càn của quân và dân Vùng 3 suốt trong 3 tháng bảo vệ căn cứ, bảo vệ cuộc sống và sản xuất là cuộc chiến đấu dài nhất, ác liệt nhất và đã giành thắng lợi trọn vẹn, là dấu son tô thắm tinh thần dũng cảm, ý chí quyết thắng của đồng bào Mạ trên đất Lâm Đồng.

Trong cuộc chống càn đó có bà mẹ đã nêu tấm gương cao cả, chịu hy sinh đưa con nhỏ yêu thương

của mình để bảo vệ nơi đóng quân, bảo vệ đồng đội, đồng bào khi địch tràn vào nơi sơ tán. Người phụ nữ đó là chị Duyên khi mới sinh con được 1 tháng, cơ quan cho chị cùng sơ tán theo dân, khi địch lùng sục gần chỗ ở, bất ngờ cháu bé giật mình òa khóc, quá bất ngờ, chị đã dùng khăn tay bịt miệng con vì sợ địch nghe tiếng khóc của cháu sẽ phát hiện ra nơi ở của ta, đến lúc địch đi qua thì cháu bé cũng đã qua đời.

Chiến thắng Đồng Xoài, Phước Long trong những năm 1966, 1967 đã tác động trực tiếp đến quân và dân chiến khu Đ. Tranh thủ tình hình, ta đã mở rộng vùng giải phóng, mở thêm hành lang chiến lược từ chiến khu Đ lên biên giới Campuchia, tạo điều kiện thuận lợi khi tiếp nhận hàng chi viện của Trung ương về chiến trường Nam Bộ; và nối thông với hậu phương lớn miền Bắc qua đường Trường Sơn. Trong thời gian này, Vùng 3 đã trở thành hậu cứ, là chỗ dựa vững chắc cho các vùng lân cận mà chủ yếu là chỗ dựa của quân chủ lực khi rút từ Đồng Xoài về phía Bắc sông Đồng Nai. Vùng 3 đã trở thành hậu phương quan trọng, nơi che dấu lực lượng, cung cấp lương thực, thực phẩm cho bộ đội của tỉnh và Quân khu 6.

Do thất bại nặng trong cuộc phản công mùa khô lần thứ hai trên toàn miền, lại bị các lực lượng vũ trang và nhân dân trong khu 6 liên tục tiến công, nên quân địch gặp nhiều khó khăn buộc phải co cụm lại.

Suốt mùa hè năm 1967, các địa phương vẫn liên tục hoạt động, mở đợt tiến công đồng loạt phá cuộc bầu cử Tổng thống và nghị viện của ngụy, nhân dân nhiều nơi đã đồng tình hưởng ứng. Ở Lâm Đồng, Thường vụ Tỉnh ủy đã họp bàn phân công các đồng chí phụ trách địa bàn, chuẩn bị lực lượng tấn công địch trong dịp tết Mậu Thân (1968).

Ở Vùng 3, sau thời gian đẩy mạnh hoạt động, phong trào cách mạng trong vùng đã có những chuyển biến tích cực, thực lực cách mạng tiếp tục phát triển, sẵn sàng làm hậu phương vững chắc cho cuộc tổng tiến công và nổi dậy đồng loạt Xuân Mậu Thân 1968, góp phần đánh bại chiến lược “chiến tranh cục bộ” của Mỹ. Phối hợp với các lực lượng vũ trang tấn công địch ở các chiến trường trọng điểm, các cấp lãnh đạo ở Vùng 3 chỉ đạo lực lượng du kích kiên trì bám dân, bám làng tổ chức tiêu hao, tiêu diệt sinh lực địch, ra sức tranh thủ thời gian xây dựng cơ sở chính trị và quân sự tại chỗ, phát động phong trào quần chúng đấu tranh mở rộng vùng căn cứ, bảo đảm việc liên lạc giữa Tỉnh và Khu tạo thuận lợi cho sự chỉ đạo của Tỉnh ủy với phong trào tấn công địch ở B’Lao. Vùng 3 thực sự trở thành chỗ dựa vững chắc cung cấp lương thực, thực phẩm cho kháng chiến.

Những tháng cuối năm 1968, địch càng phản kích dữ dội: chúng ra sức củng cố lực lượng, tăng cường phòng thủ chặt chẽ các vị trí quan trọng. Ở nông thôn, địch tiếp tục phát triển dân vệ, đẩy mạnh

hoạt động mật thám, áp dụng chiến thuật đánh biệt kích, tổ chức đón phục, đánh tĩa... gây khó khăn cho việc đi lại của ta.

Từ năm 1963 đến 1968, dưới sự chỉ đạo của Khu ủy, Tỉnh ủy Lâm Đồng và sự vận dụng sáng tạo của quân và dân Vùng 3 đã giành được những thắng lợi cơ bản đánh dấu bước ngoặt vô cùng quan trọng. Vùng 3 cùng các địa phương khác có điều kiện thuận lợi để đẩy mạnh tấn công địch trong giai đoạn tiếp theo. Nhân dân Vùng 3 đã đánh trả hàng trăm trận càn lớn nhỏ của địch để bảo vệ núi rừng, buôn làng, bảo vệ hậu cứ. Địch càng mở rộng quy mô đánh phá, tăng cường vũ khí chiến tranh như bom napal, chất độc hủy diệt thì ý chí chiến đấu của quân và dân Vùng 3 càng lên cao, quyết chiến đấu đến cùng, “giặc đốt, ta trồng”, ruộng lúa, rẫy mì vẫn mãi xanh tươi nuôi quân ta đánh giặc.

Nhằm mở rộng địa bàn hoạt động, đẩy mạnh 5 phong trào thi đua trong đồng bào dân tộc và vùng căn cứ, tháng 6 năm 1969, Tỉnh ủy Lâm Đồng quyết định sáp nhập Vùng 3 vào K4 (gọi là K4 + Vùng 3), đồng chí Nguyễn Thanh Tùng – Ban Kinh tài của tỉnh được điều về làm Bí thư, đồng chí K’Đạ và đồng chí Lê Tấn Vinh giữ chức Phó Bí thư Đảng ủy K4 và Vùng 3.

Nghị quyết Đại hội Đảng K4 và Vùng 3 lần thứ 2 (tháng 9 năm 1969) nêu rõ: tuy trước mắt có những

khó khăn tạm thời, nhưng rồi sẽ khắc phục và vượt qua được trong thời gian nhất định, ta có nhiều điều kiện thuận lợi để phát triển thực lực, có khả năng bung xóa hành lang trắng giữa vùng ta và vùng địch, tiến tới giành thắng lợi lớn.

Năm 1969, địch tập trung chủ yếu vào thực hiện hai âm mưu lớn trong chiến lược giữ và quét; ra sức bình định cấp tốc, tăng cường bảo vệ trục giao thông chiến lược đường 20. Cụ thể là chúng tập trung quân cơ động càn quét vùng căn cứ nhằm đánh phá hành lang, phá hoại kho tàng dự trữ, đánh phá cơ quan đầu não nhằm ngăn chặn các cuộc tấn công mới của ta. Đồng thời, bọn tề điệp đẩy mạnh việc gom xức dân vào khu tập trung. Các hoạt động đó nhằm buộc ta phải đưa lực lượng ta quay lại đối phó phía sau, hạn chế các hoạt động phía trước.

Đi đôi với kế hoạch quân sự, chúng tiến hành chiến tranh tâm lý, chiêu hồi, móc nối với bọn phản động trong căn cứ, tìm cách hù dọa, khống chế quần chúng, lung lạc nội bộ ta. Mặt khác, chúng ra sức đánh phá căn cứ, rải chất độc hóa học, phá hoại mùa màng, phong tỏa kinh tế, đánh phá cửa khẩu. Những hành động đó của địch đã làm cho đời sống nhân dân và lực lượng đội công tác gặp nhiều khó khăn, riêng sản lượng lúa ở Vùng 3 bị chất độc hóa học gây thất thu khoảng 4.364 xá, số mì bị hư hại do nhiễm chất độc là 570.000 gốc, một số gia súc, gia cầm bị địch bắt, hàng chục chum ché, đồng la bị mất sạch.

Để kịp thời khắc phục khó khăn, tiếp tục đưa phong trào đi lên, các cấp ủy và lãnh đạo các đoàn thể của K, của vùng đã tổ chức các đợt sinh hoạt chính trị trong quần chúng, học tập Nghị quyết, tình hình nhiệm vụ mới, học tập lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh “không có gì quý hơn độc lập, tự do”, quán triệt các Thông báo số 11, 15. Qua học tập bồi dưỡng tư tưởng, nhận thức của nhân dân và chiến sĩ ngày mỗi giác ngộ, nhận thức được bạn, thù, kiên định lập trường tư tưởng, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, tin tưởng vào thắng lợi cuối cùng của cách mạng. Biểu hiện rõ nhất ở Vùng 3 là: tuy phải chịu nhiều thiệt hại do thiên tai, địch họa, đời sống có lúc, có nơi gặp khó khăn nhưng các tầng lớp nhân dân vẫn kiên quyết theo Đảng làm cách mạng, hăng hái tham gia dân công phục vụ phía trước, bố phòng chống địch bảo vệ buôn làng, đẩy mạnh tăng gia sản xuất, động viên con em tòng quân đánh giặc.

Các tổ chức đoàn thể ở ba xã Vùng 3 như thanh niên, phụ nữ, tổ văn đội công từng bước được củng cố, không ngừng phát triển về số lượng và chất lượng.

Khí thế và tinh thần đoàn kết dân tộc, đoàn kết chiến đấu, sản xuất, thực sự giúp đỡ lẫn nhau, đùm bọc nhau trong khi gặp thiên tai, địch họa.

Tình hình đời sống có nhiều thay đổi cả về vật chất và tinh thần, đã có trường học văn hóa cho con em và một số cán bộ; thành lập đội điện ảnh, đội văn

công đã tổ chức biểu diễn lưu động trên các địa bàn, đến một số buôn chiếu phim phục vụ bà con.

Đề tăng cường nhiệm vụ bảo vệ căn cứ, bảo vệ chính quyền cũng như tài sản, tính mạng của nhân dân. Trong năm 1968, ở Vùng 3 phong trào xây dựng buôn, xã chiến đấu đã trở thành công tác thường xuyên, trong tổng số 20 buôn đã xây dựng được 18 buôn chiến đấu, cấy được hơn 7.000 cây chông các loại, đào được hơn 400 hố chông, 30 mang cung, 8 ô chiến đấu, 35 hầm bắn máy bay ngoài rẫy, 75 hầm trú ẩn ngoài rẫy, 30 hầm trú ẩn trong nhà; xây dựng hai tuyến chông thành vành đai bảo vệ, tuyến thứ nhất từ Đạ Huoai đến xã Hợp Vĩnh, tuyến thứ hai từ La Ngà đến Con Ó qua dốc Tỉnh cũ.

Góp phần với chiến thắng mùa Xuân năm 1969 của quân và dân trong tỉnh, lực lượng du kích Vùng 3 đã đóng góp một phần thành tích đáng kể, đặc biệt là trong đợt chống càn kéo dài gần 20 ngày, anh em đã bền bỉ, dẻo dai quần bám địch, lúc thì tập kích, lúc phục kích. Tiêu biểu là 6 đồng chí du kích của xã Xi Nhanh đã mưu trí phục kích đánh tan 1 trung đội địch ở gần buôn B'Xốp làm chủ trận địa, tiêu diệt 26 tên địch thu nhiều chiến lợi phẩm. Trên đường trở về đến ngã ba Đinh Sạch phát hiện máy bay trực thăng của địch đang quần đảo, anh em đã bắn rơi tại chỗ một chiếc.

Lực lượng dân quân du kích và các đội, mũi công tác Vùng 3 đã phối hợp với các lực lượng của

K4, của tỉnh đẩy mạnh đánh địch trên nhiều phương diện đạt kết quả tốt như vùng đội Vùng 3 huy động được 30 công phá hoại đường 20, lực lượng du kích Vùng 3 phối hợp với K4 hoạt động ở Đạ Huoai, K1, Tân Rai, Minh Rông góp phần vào thắng lợi chung, thành tích cụ thể gồm:

- Đánh hỏng 2 cầu gỗ dài 15m; đánh sập 12 cống bê tông; đào 13 hố; đắp 9 ụ đất, kết quả đã làm trở ngại giao thông 29 lần ít nhất là 1 buổi, lâu nhất là 2 ngày, thông thường là 1 ngày.

- Đánh 94 trận lớn nhỏ trên đường giao thông, diệt 630 tên, diệt 1 đại đội, 1 trung đội, đánh thiệt hại nặng 1 đại đội, phá hủy 35 xe quân sự (có 4 xe ủi đất, 1 xe cần cẩu), thu 35 súng, 2 máy bộ đàm.

Nghiêm chỉnh chấp hành chỉ thị của Thường vụ Tỉnh ủy và lệnh của Ban chỉ huy Tỉnh đội, lực lượng du kích Vùng 3 phối hợp với lực lượng cơ quan trong năm 1969 đã tăng cường nhiệm vụ trực chiến bắn máy bay nhằm bảo vệ hoa màu, bảo vệ rẫy, bảo vệ tính mạng, tài sản của nhân dân. Phong trào đã thu hút lực lượng quần chúng tham gia, từ các em thiếu nhi mới 10, 12 tuổi đến các cụ già trên 60 tuổi và chị em phụ nữ.

Nhiệm vụ trực chiến bắn máy bay bảo vệ hoa màu ở Vùng 3 có 621 người tham gia, trong năm 1969 đã bắn rơi 9 máy bay (trong đó có 1 cần giáo, 1 B57, 1

đacôta, 6 trực thăng); bắn hư hỏng 3 chiếc (gồm 2 trực thăng, 1 L19).

Đầu năm 1970, sư đoàn “Kỵ binh bay” của Mỹ hợp lực với quân nguy mở trận càn quét quy mô lớn vào vùng căn cứ cách mạng ở phía Bắc đường 20. Ở Vùng 3, dưới sự yểm trợ của máy bay và pháo binh, địch đổ 2 tiểu đoàn lính bộ binh càn quét khu căn cứ, phá hoại hoa màu. Trong điều kiện đó, nhân dân Vùng 3 không tổ chức được sản xuất, tình hình đời sống trong vùng gặp nhiều khó khăn. Nhưng dưới sự chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, dân quân du kích và đồng bào Vùng 3 phát huy cao độ tinh thần chiến đấu dũng cảm, sơ tán cất giấu tài sản, chuyển kho tàng, chuẩn bị căn cứ dự bị, phát triển hầm chông, hạn chế, ngăn chặn âm mưu của địch lòng sục vào khu căn cứ. Tổ chức lực lượng đánh địch lòng sục ban ngày, ban đêm tiếp cận các cụm đóng quân của địch, gài mìn, bắn tỉa, gây cho chúng mất ăn, mất ngủ, chui rúc vào trong công sự dã chiến. Đồng thời với đánh địch, từ 22 giờ đêm đến 3 giờ sáng ta tổ chức đưa dân ra rẫy sản xuất, tăng gia, ổn định đời sống.

Thực hiện Nghị quyết Trung ương IX, Nghị quyết Tỉnh ủy và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ K 4 Vùng 3, cấp ủy Vùng 3 đã triển khai Nghị quyết xuống tận cơ sở xã, đội công tác, lực lượng vũ trang; phát động đợt thi đua thực hiện lời kêu gọi “không có gì quý hơn độc lập, tự do”; học tập và làm theo lời Di chúc thiêng liêng của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Qua một

năm liên tục công tác và chiến đấu, quân dân Vùng 3 đã đạt được những thành tích đáng kể.

Phong trào du kích ở Vùng 3 đã tổ chức chống càn 3 trận diệt 5 tên địch, làm bị thương 2 tên, 39 lần bắn máy bay đã bắn rơi 1 L19, bắn hư hỏng 1 đacôta, phá tan âm mưu càn sâu của địch, buộc chúng phải rút quân trong 4 ngày từ 27 đến 30 tháng 3 năm 1970.

Để tăng cường sự lãnh đạo của Đảng và tiếp tục đưa phong trào cách mạng địa phương phát triển lên một bước mới, từ ngày 12 đến ngày 15 tháng 7 năm 1970, Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Lâm Đồng lần thứ nhất được tổ chức trọng thể tại B Trú thuộc vùng căn cứ phía Bắc của tỉnh.

Đại hội là một sự kiện chính trị có ý nghĩa quan trọng, đánh dấu bước trưởng thành của đảng bộ sau 9 năm thành lập. Đại hội đánh giá những thắng lợi to lớn, toàn diện của phong trào cách mạng địa phương và biểu dương công lao to lớn của đồng bào các dân tộc ít người vùng căn cứ, góp phần xứng đáng trong việc xây dựng và bảo vệ căn cứ ngày càng vững mạnh, là nơi cung cấp sức người, sức của cùng phía trước đánh giặc.

Đại hội thông qua Nghị quyết về phương hướng, nhiệm vụ trong thời gian tới, trên các mặt quân sự, kinh tế, văn hóa, xã hội, xây dựng căn cứ.

Sau Đại hội, Tỉnh ủy tổ chức đợt sinh hoạt chính trị trong các cơ quan, đơn vị để học tập Nghị quyết

Đại hội, từ đó tạo được sự chuyển biến về nhận thức và hành động trong mỗi cán bộ, đảng viên, chiến sĩ, phấn đấu thực hiện thắng lợi những nhiệm vụ mà Đại hội đề ra.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Lâm Đồng lần thứ nhất và phối hợp với phong trào cách mạng phía trước, vùng căn cứ đẩy mạnh 5 phong trào xây dựng căn cứ hoàn chỉnh, thường xuyên phát động nhân dân củng cố, phát triển tổ chức nông hội, thành lập thêm các tổ vắn đối công, nâng cao vai trò lãnh đạo của tổ chức chi bộ, củng cố chính quyền, tăng cường lực lượng du kích chiến tranh. Chính từ phong trào thi đua đó mà trong năm 1970, ở Vùng 3 đã từng bước ổn định về tư tưởng và đời sống nhân dânm tạo thế ăn ở, vừa sản xuất, vừa chiến đấu, thực hiện mục tiêu nhiệm vụ bảo vệ tính mạng, tài sản của nhân dân, bảo vệ buôn làng, hành lang, kho tàng, nơi đứng chân của cơ quan. Quyền làm chủ núi rừng của nhân dân được giữ vững, tăng cường củng cố khối đoàn kết, quyết tâm kháng chiến đến cùng.

Phong trào sản xuất cải thiện đời sống nhân dân, với truyền thống cần cù lao động, nhân dân Vùng 3 đã đẩy mạnh sản xuất, trong vụ mùa năm 1970 trồng được 280.000 gốc mì, tria được 200 lon bắp giống trái vụ. Ra sức bảo vệ và tận thu vụ lúa mùa năm 1969 hạn chế sự thiệt hại do địch đánh phá. Trong vụ mùa năm 1970, tui bị địch tăng cường đánh phá, chỉ trong vòng 3 tháng đã có 5 cuộc càn vào căn cứ, máy bay

thường xuyên bắn phá vào rẫy nhưng nhân dân vẫn kiên cường bám trụ sản xuất, phát rẫy đạt diện tích bình quân 1 thùng lúa giống, 1 lon bắp và 300 gốc mì cho mỗi đầu người.

Phong trào vệ sinh yêu nước trở thành nề nếp thường xuyên, việc ăn ở của nhân dân hầu hết ở các buôn, xã luôn sạch sẽ, nhờ đó mà hạn chế và đẩy lùi dịch bệnh xảy ra. Đặc biệt là hoạt động của bệnh xá trong năm 1970, bộ phận y, bác sĩ, nhân viên phục vụ đã phát huy cao độ tinh thần trách nhiệm, tận tình chăm lo sức khỏe cho thương bệnh binh và phục vụ đồng bào vùng căn cứ.

Thực hiện chương trình “bình định đặc biệt”, bước vào giai đoạn này địch tập trung các hoạt động ở vùng nông thôn, sau đó mở rộng đánh phá ra các vùng xung quanh theo phương thức “vết dầu loang”. Về chính trị, địch rêu rao tuyên truyền nói xấu chính sách Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam, sử dụng chiến tranh tâm lý, chiêu hồi, tổ chức “nhân dân tự vệ” mà nòng cốt là số quân tự vệ xung kích. Địch tăng cường đánh phá, càn quét trên các trục giao thông, tuyến hành lang, để ngăn chặn ta từ xa, kết hợp tung gián điệp, biệt kích, ném bom oanh tạc vùng hậu cứ, triệt phá kinh tế, gây khó khăn cho đời sống và sản xuất của đồng bào. Đồng thời chúng phát triển hệ thống mật vụ, lực lượng phòng vệ, kiểm soát gắt gao việc đi lại làm ăn của đồng bào, ngăn chặn việc tiếp tế lương

thực của ta. Các hoạt động trên đã gây cho ta nhiều khó khăn và thiệt hại.

Ở Vùng 3 đến cuối năm 1970, tình hình dân quân du kích phát triển mạnh, đặc biệt là công tác chính trị trong lực lượng được quan tâm đúng mức. Về du kích xã: xã Lú Tôn có 24 đồng chí, trong đó có 5 đảng viên, 3 đoàn viên; xã Hợp Vông có 27 đồng chí, trong đó có 8 đảng viên, 3 đoàn viên; xã Xi Nhanh có 30 đồng chí, trong đó có 9 đảng viên, 7 đoàn viên. Về du kích buôn: xã Lú Tôn gồm 41 đồng chí, trong đó có 7 đảng viên, 5 đoàn viên; xã Hợp Vông gồm 63 đồng chí, có 3 đảng viên; xã Xi Nhanh có 85 đồng chí, có 11 đảng viên, 8 đoàn viên. Lực lượng dân quân ở xã Xi Nhanh có 63 đồng chí, trong đó đảng viên có 2 đồng chí, xã Lú Tôn có 21 đồng chí, xã Hợp Vông 31 đồng chí, có 5 đảng viên¹⁷. Dân quân du kích đã làm tròn chức năng giữ dân, giữ rẫy, đã được quần chúng tin tưởng, ủng hộ.

Bước sang năm 1971, sau khi bị thất bại nặng nề ở chiến trường đường 9 Nam Lào, bọn địch càng hoang mang dao động và ra sức đối phó. Ở chiến trường Lâm Đồng nói chung và địa bàn K4 Vùng 3 nói riêng, địch vẫn đẩy mạnh âm mưu dồn dân lập ấp chiến lược, thực hiện kế hoạch bình định cấp tốc, đẩy mạnh đồn quân bắt lính, vơ vét sức người sức của,

¹⁷ Báo cáo tình hình dân quân du kích năm 1971 của Huyện đội K 4 và Vùng 3 (tài liệu lưu giữ tại Tỉnh đội Lâm Đồng).

đánh phá cơ sở hòng cách ly quần chúng với cách mạng.

Chiếm giữ, cố thủ đường chiến lược 20 nhằm bảo vệ mục tiêu vận chuyển quân sự, đánh phá hành lang kho tàng, ngăn chặn sự phát triển kinh tế của ta.

Tăng cường đánh phá căn cứ nhằm gây hoang mang dao động trong nhân dân, trong năm 1971 địch mở 2 trận càn lớn đánh vào Vùng 3:

Trận thứ nhất từ ngày 17 tháng 1 đến ngày 6 tháng 3 năm 1971, với lực lượng khoảng 3 tiểu đoàn có lính Mỹ tham gia, chúng bố trí thành 20 cụm quân và 2 trận địa pháo, trong thời gian gần 50 ngày đêm chúng tổ chức càn quét trên địa bàn 3 xã Lú Tôn, Xi Nhanh và Hợp Vòng.

Trận càn thứ 2 từ ngày 9 tháng 8 đến ngày 16 tháng 10 năm 1971, lực lượng địch gồm: 1 bộ phận của sư đoàn 18, 1 lữ đoàn của sư đoàn 25 (Mỹ), 1 lữ đoàn của sư đoàn American (Mỹ), 1 lữ đoàn của sư đoàn kỵ binh bay. Khu vực bị địch càn là 2 xã Lú Tôn và Hợp Vòng, chúng dùng máy bay bắn phá, đồng thời kêu gọi chiêu hồi, chiêu hàng, rải truyền đơn, dùng pháo và trực thăng bắn phá 161 vụ vào vùng căn cứ. Những hoạt động trên đây của địch đã gây cho ta nhiều khó khăn tổn thất.

Với truyền thống anh dũng kiên cường, quân dân Vùng 3 đã vượt qua gian khổ hi sinh, vượt lên khó khăn, hăng hái đánh địch. Trong năm 1971, xã Xi

Nhanh đánh 14 trận, tiêu diệt 83 tên địch, bắn bị thương 48 tên, bắn rơi 1 máy bay trực thăng, bắn hư hỏng 2 chiếc khác, bố phòng 232.400 cây chông, tham gia 206 ngày công xây dựng phòng tuyến.

Dân quân, du kích và nhân dân xã Hợp Vòng đánh địch 9 trận, tiêu diệt và làm bị thương 84 tên địch, bắn rơi 3 máy bay và bắn hư hỏng 1 chiếc khác, bố phòng được 139.500 cây chông, tham gia 139 ngày công xây dựng phòng tuyến.

Tháng 10 năm 1971, Hội nghị Trung ương Cục lần thứ 11 ra Nghị quyết nêu rõ: “Mặc dù địch và ta còn giằng co quyết liệt nhưng tình hình cách mạng đã vượt qua thời kỳ khó khăn nghiêm trọng nhất. Ta đã chặn được địch, đã đánh thắng chúng ở nhiều nơi và đang tạo ra những điều kiện hết sức cơ bản, vững chắc để chuyển sang bước 2 đánh phá bình định”. Đồng thời Nghị quyết cũng đề ra chủ trương mở đợt tấn công chiến lược giành thắng lợi quyết định trong năm 1972.

Triển khai thực hiện Nghị quyết lần thứ 11 của Trung ương Cục, tháng 1 năm 1972, Tỉnh ủy Lâm Đồng tổ chức Hội nghị mở rộng. Nghị quyết Hội nghị đề ra nhiệm vụ cho toàn Đảng, toàn quân, toàn dân trong tỉnh mở thế tấn công 3 mũi trong địa phương, phá ấp mở vùng phần lớn nông thôn, giành quyền làm chủ với nhiều mức độ, đánh bại về cơ bản kế hoạch

bình định của địch, đi đôi với xây dựng thực lực cách mạng, nhất là cơ sở tại ấp vững mạnh. Đồng thời ra sức xây dựng căn cứ toàn diện hơn nữa theo hướng bồi dưỡng sức dân về các mặt đủ sức bảo vệ hành lang, bảo vệ căn cứ vừa cung cấp sức người, sức của cho phía trước tấn công mở vùng đánh phá bình định.

Yêu cầu cụ thể của địa bàn căn cứ là nắm vững chính sách dân tộc của Đảng, ra sức xây dựng đội ngũ cán bộ cốt cán người dân tộc cả về số lượng và chất lượng đủ khả năng đảm đương các mặt chính trị, kinh tế, văn hóa, đẩy mạnh các phong trào du kích chiến tranh, sản xuất, phòng bệnh trong địa phương.

Trên cơ sở nâng cao đời sống các mặt cho nhân dân mà động viên sức người, sức của ở căn cứ, phục vụ cho phía trước được nhiều hơn. Đồng thời chuẩn bị tốt mọi điều kiện tiếp nhận số đồng bào bị địch gom trở về trong quá trình đấu tranh đánh phá bình định ở phía trước.

Bảo đảm tính mạng, tài sản của nhân dân, cơ quan, kho tàng của cách mạng, bảo đảm hành lang an toàn phục vụ tốt và kịp thời cho chỉ đạo và chiến đấu.

Thực hiện Nghị quyết của Tỉnh ủy trong điều kiện có nhiều thuận lợi hơn so với những năm trước, năm 1972 địch ít đánh phá, trong năm hầu như không có trận càn nào vào căn cứ, thời tiết thuận lợi, mùa mưa đến sớm. Song, cơ bản nhất vẫn là sự chỉ đạo sâu sát, kịp

thời của các cấp ủy từ tỉnh đến K và các chi bộ ở xã, ấp đã động viên quần chúng nhân dân tập trung sức đẩy mạnh sản xuất, tham gia bố phòng xây dựng làng xã chiến đấu, hăng hái đi dân công phục vụ phía trước. Thi đua thực hiện 5 phong trào đạt được những kết quả khả quan nhất so với những năm trước, trong đó tiêu biểu nhất vẫn là 3 phong trào: du kích chiến tranh, phục vụ phía trước và phong trào sản xuất, tiết kiệm.

Ngăn chặn có hiệu quả các cuộc càn quét của địch vào căn cứ nhờ các tuyến bố phòng, xây dựng làng xã chiến đấu. Năm 1972, xã Xi Nhanh cấm được 169.800 cây chông, đào 27 hầm chông, bố trí được 8 mang cung với sự tham gia của 190 người, trong đó có 50 phụ nữ, 9 cụ già và 23 thiếu niên.

Xã Hợp Vòng cấm được 120.000 cây chông, đào 9 hầm chông, có 69 người tham gia, trong đó có 28 phụ nữ, 1 cụ già và 3 thiếu niên.

Xã Lú Tôn cấm được 47.800 cây chông, đào 6 hầm chông, với số người tham gia là 87, trong đó có 7 cụ già và 3 thiếu niên.

Những thành tích trên đã góp phần cho K 4 xây dựng 6 tuyến phòng thủ, mỗi tuyến dài từ 800m đến 1.600m, rộng từ 50m đến 150m và các tuyến bảo vệ buôn làng.

Phong trào đi dân công phục vụ tuyến tuyến là một trong những phong trào nổi bật của Vùng 3 trong

năm 1972. Thật cảm động khi trong đoàn người tiến ra phía trước có cả cụ già trên 60 tuổi, các chị em phụ nữ trên lưng địu con, các em thiếu niên của các dân tộc Mạ náo nức tham gia với tấm lòng vì sự nghiệp cách mạng. Các đoàn dân công phục vụ cho Khu ủy Khu 6, các nhiệm vụ của tỉnh, phục vụ đoàn 211 và phục vụ tại địa bàn K. Trong năm 1972, riêng 3 xã Xi Nhanh, Lú Tôn, Hợp Vòng đã có 1.069 người trong đó có 323 phụ nữ đóng góp 6.675 ngày công phục vụ phía trước¹⁸.

Trong quá trình tiến hành chiến tranh, Vùng 3 là địa bàn bị địch tập trung đánh phá ác liệt, lực lượng còn ít so với một địa bàn rộng lớn. Song, quân dân Vùng 3 đã nêu cao ý chí tự lực, tự cường, chấp hành và vận dụng sáng tạo các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, hăng hái vượt qua gian khổ, hy sinh, tranh thủ thời cơ, kiên cường bám trụ địa bàn, bám dân, anh dũng đánh địch giành được thắng lợi ngày một cao hơn, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ xây dựng vùng căn cứ ngày càng vững mạnh, bảo vệ hành lang chiến lược, tạo thế tạo lực, hình thành chỗ đứng vững chắc cho lực lượng cách mạng ở những địa phương lân cận như B'Lao, Đồng Xoài, Bù Đăng, Bù Đốp và đã góp phần thắng lợi cho phong trào đấu tranh cách mạng của quân dân cả nước, buộc đế quốc Mỹ phải ký Hiệp định Pari về Việt Nam.

¹⁸ Theo số liệu Báo cáo Tổng kết 5 phong trào xây dựng và bảo vệ căn cứ K 4.